



# Mục lục

---

4

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

6

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

---

18

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

22

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

28

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

---

**30**

CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

---

**34**

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

---

**38**

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

**44**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa các Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý nhà đầu tư và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Năm vừa qua, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước cũng không tránh khỏi những biến động chung của nền kinh tế thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2011 ước tính tăng 5,89% so với năm 2010, thấp hơn so với mức tăng 6,78% của năm 2010. Kết thúc năm 2011, chỉ tiêu lạm phát năm 2011 lên mức 2 con số, tăng lên mức 18,13%. Đối với thị trường vốn, chính sách tiền tệ chặt chẽ nhằm kiểm chế lạm phát đã đẩy lãi suất huy động nội tệ lên cao, có thời điểm tăng cao trên 20%.

Trước những biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước, kết hợp với diễn biến khó lường của giá cả ngành lương thực trong năm đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty, nhưng với quyết tâm và lòng nhiệt huyết của toàn thể cán bộ nhân viên và sự ủng hộ của các cổ đông, Công ty đã đạt kế hoạch đề ra như sau: tổng doanh thu của Công ty đạt 101,4% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 88,7% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân lợi nhuận giảm là do giá nguyên vật liệu và chi phí lãi vay trong năm tăng cao hơn so với dự báo.

Kết thúc năm 2011 cũng là năm đánh dấu giai đoạn phát triển 5 năm (2007-2011) từ sau khi cổ phần hóa của Công ty. Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2007 tăng từ 3 tỷ đồng lên 34 tỷ đồng năm 2011. Bình quân 5 năm chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt trên 48,2%; Vốn điều lệ tăng gấp đôi lên 104 tỷ đồng sau khi cổ phần hóa; Tỷ lệ chi trả cổ tức/mệnh giá bình quân 5 năm đạt 38,9%. Năng lực sản xuất tăng mạnh; Cổ phiếu VLF được niêm yết trên thị trường chứng khoán Hồ Chí Minh năm 2010. Điều này cho thấy sự nỗ lực của cán bộ nhân viên cũng như Ban lãnh đạo của Công ty trong những năm vừa qua.

Mục tiêu phát triển giai đoạn 2012-2016, Công ty tiếp tục đầu tư, sửa chữa, mua sắm thêm một số thiết bị để nâng cao năng suất, Công ty đã thống nhất chủ trương triển khai dự án nhà máy chế biến lương thực xuất khẩu nhằm tiếp tục phát huy thế mạnh của thương hiệu Vĩnh Long Food, hướng đến mục tiêu dài hạn là trở thành một trong ba Công ty hàng đầu về kinh doanh lương thực ở Việt Nam.

Tôi tin tưởng rằng, với sự phát triển thương hiệu bền vững, uy tín ngày hôm nay và tiếp tục nhờ sự ủng hộ, tin tưởng và hợp tác của Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh và nỗ lực không ngừng phát triển của Cán bộ công nhân viên, Ban lãnh đạo và Hội đồng Quản trị Công ty trong tương lai, Công ty sẽ phát triển và hoàn thành tốt kế hoạch năm 2012 và kế hoạch 5 năm đề ra.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long, tôi xin được thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đến sự quan tâm và hỗ trợ tích cực của các ban ngành hữu quan, sự tin tưởng và ủng hộ của các quý vị cổ đông, các nhà đầu tư và đối tác, và đặc biệt là sự nỗ lực không ngừng của tập thể nhân viên Công ty trong những năm qua.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào.



Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Châu Hiếu Dũng

... hướng đến mục tiêu dài hạn là trở thành một trong ba Công ty hàng đầu về kinh doanh lương thực ở Việt Nam.

## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Tổng quan

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vinh Long
Tên tiếng Anh	: Vinh Long Cereal and Food Import Export Company
Vốn điều lệ	: 104.000.000.000 VNĐ (một trăm lẻ bốn tỷ đồng)
Tổng số lượng cổ phần	: 10.400.000 cổ phần
Trụ sở chính	: 38 Đường 2/9, P.1, TP. Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại	: (070) 3822 512 – 3822 516 – 3822 712
Fax	: (070) 3823 773
Website	: <a href="http://www.vinhlongfood.com.vn">www.vinhlongfood.com.vn</a>
Email	: <a href="mailto:vinhlongfood@hcm.vnn.vn">vinhlongfood@hcm.vnn.vn</a>



## Sứ mệnh

“Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao với giá cả cạnh tranh, tạo sự tăng trưởng lợi nhuận thông qua sự điều hành hiệu quả và mang đến giá trị cho cổ đông”

## Phương châm

“Lắng nghe và đáp ứng vượt sự mong đợi của khách hàng”

## Mục tiêu

“Trở thành một trong ba Công ty hàng đầu về kinh doanh lương thực”

## Những sự kiện quan trọng

**13/04/1993**

Theo Quyết định số 190/UBT của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Long, Công ty Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long được hình thành do sự sáp nhập của Công ty Lương Thực Thực Phẩm Tỉnh Vĩnh Long và Công ty Lương Thực Thị xã Vĩnh Long.

**Cuối năm  
1995**

Theo Quyết định số 40/CP của Thủ tướng Chính phủ, Công ty được bàn giao về Tổng công ty Lương Thực Miền Nam hoạt động cho đến nay.

Hiện Công ty là thành viên của Hiệp hội lương thực Việt Nam, Hội viên phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam, và có chi nhánh đại diện đặt tại số 31 Nguyễn Kim - quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

**01/08/2006**

Công ty đã nhận được Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc chuyển đổi Công ty Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long thành Công ty cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long với vốn đăng ký kinh doanh là 52.000.000.000 đồng.

**03/03/2009**

Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc chia bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 104 tỷ đồng và niêm yết toàn bộ 10.400.000 cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và tiến hành thực hiện các trình tự hồ sơ thủ tục niêm yết;



---

**22/09/2009**

Được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và UBCKNN, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỷ lệ 1:1. Như vậy, nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu của công ty tăng lên 104.000.000.000 đồng tương ứng với số lượng cổ phiếu tăng lên 10,4 triệu cổ phiếu.

---

**25/10/2010**

Thống nhất chủ trương triển khai dự án nhà máy chế biến lương thực xuất khẩu tại huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang tiến tới thành lập Cty TNHH 01 thành viên. Dự án được triển khai trên diện tích 78.000 m<sup>2</sup> với sức chứa lên đến 57.000 tấn.

---

**12/11/2010**

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lương thực Kiên Nông được thành lập với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, chủ sở hữu là Công ty cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long.

---

**21/12/2010**

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn Giao dịch Chứng khoán TPHCM với mã cổ phiếu VLF, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của Công ty.

---

**26/11/2011**

Khánh thành Xí nghiệp Tam Bình tại ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình tổng diện tích trên 8.400 m<sup>2</sup>, sức chứa là 12.000 tấn gạo các loại; 2 dây chuyền lau bóng gạo năng suất 16 tấn/giờ, khả năng chế biến gạo các loại trên 70.000 tấn/năm.

---

## Quá trình phát triển

### Ngành nghề kinh doanh

Mua bán lương thực thực phẩm, nông lâm sản, nguyên liệu, đồ uống không cồn;

Mua bán phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;

Mua bán máy móc nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp, xây dựng và phụ tùng thay thế;

Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử viễn thông và điều khiển, điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại, máy in, vật tư ngành in và phụ tùng, máy photocopy...);

Mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, mô tô, xe máy;

Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, mô tô, xe máy; Mua bán vật liệu xây dựng, gỗ, kim khí;

Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng, các chất bôi trơn và làm sạch động cơ, khí đốt (gas);

Mua bán đồ gia dụng thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện, thiết bị thể dục thể thao;

Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, mỹ phẩm, hạt nhựa PE, hương liệu dùng trong thực phẩm; Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;

Nuôi trồng thủy sản; Chế biến bảo quản thủy sản, sản phẩm từ thủy sản;

Đại lý bảo hiểm;

Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;

Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;

Dịch vụ nhà đất;

Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống;

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông;

Hoạt động kho bãi;

Dệt bao bì nhựa PV và PE;

Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo, sản xuất bột thô;

Sản xuất các loại bánh từ bột;

Sản xuất đồ uống không cồn.



## Các thành tích đạt được

2011

2010



- ▶ Chứng nhận gạo thơm Hương Thảo của Công ty cổ phần Lương Thực Thực phẩm Vĩnh Long đạt Top 50 sản phẩm trong thời hội nhập do Chương trình bình chọn sản phẩm vàng thời hội nhập
- ▶ Cúp vàng Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam năm 2011
- ▶ Bằng khen của UBND Tỉnh về xây dựng doanh nghiệp phát triển đúng hướng và bền vững, tiêu biểu trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao năm 2011
- ▶ Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng doanh nghiệp phát triển đúng hướng và bền vững, tiêu biểu trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao năm 2010.

2008

2007



- ▶ Danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín
- ▶ Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác
- ▶ Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam – Thương hiệu vàng chất lượng”
- ▶ Bằng khen thành tích thực hiện tốt chính sách thuế

## 2009



- ▶ Cúp vàng Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam
- ▶ Chứng nhận Doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc tỉnh Vĩnh Long
- ▶ Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý góp phần xây dựng và phát triển ngành khoa học công nghệ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 1979-2009

## 2006



- ▶ Bảng khen thành tích chấp hành tốt chính sách thuế
- ▶ Huân chương lao động Hạng Nhất vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

## Tình hình hoạt động

### Kinh doanh lương thực:

Một số loại gạo chính của Công ty:



#### Gạo đặc sản Ban Mai:

**Đặc điểm:** Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

**Thị trường nội địa:** đóng gói 2 – 5kg

**Thị trường xuất khẩu:** đóng gói theo yêu cầu khách hàng

**Nguyên liệu chính sản xuất:** gạo nguyên liệu thơm nhẹ.



#### Gạo đặc sản Trạng Nguyên:

**Đặc điểm:** Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

**Thị trường nội địa:** đóng gói 2 – 5kg

**Thị trường xuất khẩu:** đóng gói theo yêu cầu khách hàng

**Nguyên liệu chính sản xuất:** gạo nguyên liệu Lài trắng trong.



#### Gạo hương thảo:

**Đặc điểm:** Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

**Thị trường nội địa:** đóng gói 2 – 5kg

**Thị trường xuất khẩu:** đóng gói theo yêu cầu khách hàng

**Nguyên liệu chính sản xuất:** gạo nguyên liệu Lài trắng đục.



#### Gạo Jasmine

**Đặc điểm:** Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ, đảm bảo an toàn cho người sử dụng

**Thị trường nội địa:** đóng gói 2 – 5kg

**Thị trường xuất khẩu:** đóng gói theo yêu cầu khách hàng

**Tiêu chuẩn cơ sở:** TCCS/VLF/4:2007 của công ty đã được công bố theo số 04/VLF/2007 và được chấp nhận rộng rãi; được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5644:1999.

**Nguyên liệu chính sản xuất:** gạo nguyên liệu Jasmine trắng hoặc lức.

### Kinh doanh mì màu

Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc

Công ty chuyên cung cấp khô đậu đũa nành, khô đậu bắp xuất xứ Nam Mỹ, khoai mì lát, bắp hạt cho các đơn vị chế biến thức ăn gia súc trong nước.

- Khô đậu đũa nành
- Khoai mì lát
- Bắp hạt

### Sản xuất và kinh doanh bao bì - hạt nhựa:

- Hạt nhựa
- Sợi các loại
- Manh cuộn các loại
- Bao PP các loại



### Gạo trắng hạt dài:

*Đặc điểm:* Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

*Thị trường nội địa:* đóng gói 2 – 5kg

*Thị trường xuất khẩu:* đóng gói theo yêu cầu khách hàng

*Nguyên liệu chính sản xuất:* gạo nguyên liệu IR và OM trắng hoặc lức.



### Gạo Tắm thơm

*Đặc điểm:* Tắm thơm có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, phù hợp với tiêu dùng, an toàn cho người sử dụng

*Thị trường nội địa:* đóng gói 2 – 5kg

*Thị trường xuất khẩu:* đóng gói theo yêu cầu khách hàng

Tiêu chuẩn xuất khẩu TCCS/VLF/7:2007 của công ty đã được công bố theo số 07/VLF/2007

*Nguyên liệu chính sản xuất:* được thu hồi từ gạo thơm 5% tấm hoặc 10% tấm.



### Gạo Nếp thơm

*Đặc điểm:* Nếp thơm có màu trắng đục, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt nếp và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng

*Thị trường nội địa:* đóng gói 2 – 5kg

*Thị trường xuất khẩu:* đóng gói theo yêu cầu khách hàng

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS/VLF/6:2007 của công ty đã được công bố theo số 06/VLF/2007

*Nguyên liệu:* Nếp thơm nguyên liệu trắng hoặc lức.

## Hoạt động sản xuất chế biến gạo:

Xí nghiệp có phát huy khả năng tự sản xuất chế biến nhưng so với năng lực máy móc hiện có các Xí nghiệp vẫn chưa sử dụng hết năng suất. Tỷ lệ thu hồi thành phụ phẩm đạt 98,86% so với năm 2010 tăng 0,02% do Công ty đầu tư đổi mới thiết bị nên tỷ lệ thu hồi năm 2011 cao hơn năm 2010.

## **Định hướng phát triển:**

### **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Bên cạnh duy trì mối quan hệ với các khách hàng hiện có, Công ty đang tiến hành đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng mạng lưới khách hàng, thị trường và quy mô hoạt động. Công ty phấn đấu tăng sản lượng gạo bán ra năm 2012 là 210.000 tấn.

Ngoài ra, trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, Công ty xác định chiến lược phát triển khách hàng nằm ở chất lượng gạo và chất lượng dịch vụ. Chính vì vậy, Công ty không ngừng tăng cường nâng cao chất lượng hàng hóa cũng như xây dựng các quy trình quản lý ngày càng hiệu quả hơn.

### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Xác định kinh doanh gạo vẫn là ngành hàng chính. Tổng sản lượng bán ra trong 5 năm tới dự kiến 1.100.000 tấn, bình quân từng năm tiêu thụ 220.000 tấn/năm.

Tăng cường kinh doanh phụ phẩm từ gạo như cám, tấm và các mặt hàng nông sản như: bắp hạt, sắn lát, khô dầu đậu nành, bột xương thịt... để cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy chế biến thức ăn gia súc, nhằm tăng doanh thu, tạo thêm hiệu quả cho Công ty.

Để đạt số lượng gạo xuất khẩu và kinh doanh nội địa như trên, ngoài hệ thống các kho cung ứng và các Xí nghiệp hiện có, Công ty phải đầu tư mở rộng thêm kho tại các vùng nguyên liệu trọng điểm, đồng thời đầu tư thêm công nghệ mới để thâm nhập thị trường gạo cao cấp.



Tăng cường kinh doanh phụ phẩm từ gạo như cám, tấm và các mặt hàng nông sản như: bắp hạt, sắn lát, khô dầu đậu nành, bột xương thịt... để cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy chế biến thức ăn gia súc, nhằm tăng doanh thu, tạo thêm hiệu quả cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Những nét nổi bật trong năm

Năm 2011, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước cũng không tránh khỏi những biến động chung của nền kinh tế thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 5.89% so với năm 2010, thấp hơn so với mức tăng 6.78% của năm 2010. Yếu tố lạm phát, lãi suất tăng cao, hạn chế tín dụng khiến nhiều doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn, VLF cũng không tránh khỏi ảnh hưởng trên.

Xuất khẩu gạo năm 2011 đạt hơn 7 triệu tấn, vượt qua mức đỉnh 6,8 triệu tấn của năm 2010. Sản lượng xuất khẩu tăng mạnh, tuy nhiên diễn biến giá vẫn là yếu tố rủi ro cho các doanh nghiệp trong ngành xuất khẩu gạo.

Dù tình hình thị trường nhiều khó khăn nhưng trong năm vừa qua, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều tăng so với năm 2010 lần lượt là 30,86% và 1,06%. Đạt được kết quả khả quan cũng nhờ vào sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty cũng như sự đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

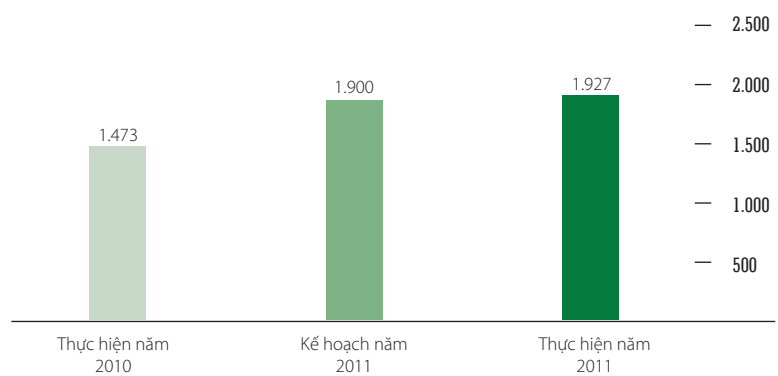
#### Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Thực hiện năm 2011	So sánh năm 2011/ 2010
Doanh thu (tỷ đồng)	1.473	1.927	Tăng 30,86%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	34,2	34,6	Tăng 1,06%
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	171,9	174,7	Tăng 1,62%

### Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Năm 2011 (triệu đồng)	Kế hoạch 2011 (triệu đồng)	Thực hiện so với kế hoạch (triệu đồng)
Tổng doanh thu	1.927.916	1.900.000	101,47%
Lợi nhuận trước thuế	45.153	52.000	86,83%
Nộp ngân sách	38.041		
Lợi nhuận sau thuế	34.611	39.000	88,74%

Nguồn: Vĩnh Long Food



Biểu đồ: Doanh thu thực hiện 2010, 2011 và kế hoạch 2011

Trong năm 2011, doanh thu đạt 1.927 tỷ đồng, đạt 101,47% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 45,153 tỷ đồng so với kế hoạch đạt 86,83%.

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2011 so với năm 2010 đều tăng. Doanh thu năm 2011 tăng 30,86% so với năm 2010. Lợi nhuận sau thuế cũng tăng 1,06% so với năm 2010.

## Những thay đổi chủ yếu trong năm

### Đối với thị trường trong nước:

Công ty đã xây dựng phương án mở rộng thị trường nội địa tăng tỷ trọng thị phần trong Tỉnh và khu vực bằng các hình thức: Thiết kế, cải tiến mẫu mã bao bì đóng gói đa dạng với nhiều mức giá phù hợp với thu nhập của người tiêu dùng; Có chính sách khuyến mãi, chiết khấu bán hàng cho những đại lý; Thái độ phục vụ tận tình, giao hàng tận nhà qua điện thoại; Chú trọng việc bán cung ứng cho các đơn vị xuất khẩu.

### Đối với thị trường xuất khẩu:

Công ty thường xuyên cập nhật thông tin về khách hàng, thu thập thông tin giá cả, thông tin thị trường để giao dịch ký hợp đồng. Công ty còn tổ chức các chuyến đi khảo sát thị trường và tiếp xúc khách hàng tại các nước như: Hội nghị gạo ở Anh, Phillipine, Thailand,... Do đó, trong 4 năm vừa qua, Công ty đã duy trì được khách hàng truyền thống. Đồng thời thu hút thêm các khách hàng mới như: NAR, NFA, Noble, Powerlife, Reachwell, Regington, Shankar, Trung Quốc, Banglades,...

Thu thập thông tin thị trường, giá cả thông qua các bảng tin Slayton, Reuter, các nguồn tin từ Hiệp Hội, Internet,...

Thường xuyên cập nhật thông tin về khách hàng.

Mở rộng vùng kho, xây dựng và nâng cấp hệ thống kho tàng, đầu tư mua sắm thiết bị máy móc để bảo quản tốt nguyên liệu, ổn định chất lượng gạo đáp ứng theo nhu cầu khách hàng; Xây dựng và áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật để hạ giá thành sản xuất.

## Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Chỉ tiêu	Đvt	2011	2012	2012/ 2011
Sản lượng	tấn	191.993	210.000	109,3%
Kim ngạch XK	1.000 USD	61.407	64.000	104,2%
Tổng doanh thu	tr.đồng	1.927.916	2.000.000	103,7%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	45.153	46.000	101,8%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	34.611	34.500	99,6%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (dự kiến)	%	25,0%	18,0%	72%

### Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2012:

Về hoạt động kinh doanh gạo, Công ty tiếp tục duy trì tốt những khách hàng truyền thống hiện có và đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới ở các thị trường Hongkong, Đài loan, Châu Âu để bán gạo cao cấp. Công ty tăng cường củng cố và mở rộng thị trường trong nước bằng nhiều hình thức như: cung ứng xuất khẩu, bán trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc bán cho các siêu thị, bếp ăn tập thể,.....

Kinh doanh các mặt hàng khác: Công ty tiếp tục duy trì và phát triển mạng lưới tiêu thụ nội địa để mở rộng thị trường kinh doanh các mặt hàng nông sản, nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, bao bì các loại, hàng lương thực thực phẩm phục vụ tiêu dùng hàng ngày.

Triển khai xây dựng “Nhà máy xay xát, hệ thống sấy và lau bóng gạo xuất khẩu” tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang do công ty làm chủ đầu tư. Tổng vốn đầu tư cho Dự án này khoảng 230 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành trong 05 năm và được chia làm 02 giai đoạn. Giai đoạn 1: từ năm 2011 – 2013, vốn đầu tư khoảng 100 tỷ đồng; giai đoạn 2: từ năm 2014 – 2016, vốn đầu tư khoảng 130 tỷ đồng.

### Số liệu kế hoạch hoạt động trong 5 năm tiếp theo:

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2007-2011	Kế hoạch 2012-2016	So sánh %(KH/TH)
Sản lượng gạo	Tấn	1.040.530	1.100.000	105,72
Xuất khẩu	Tấn	718.540	820.000	114,12
Nội địa	Tấn	321.990	280.000	86,96
Kim ngạch XK	1.000USD	292.075	330.000	112,98
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.232	12.200	148,20
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	239	277	115,90
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	207	210	101,45
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	104	200	192,31
Tỷ lệ chi trả cổ tức (b/q)/năm	%	40	20	50,00

Nguồn: Vĩnh Long Food

### Các mục tiêu định hướng công tác sắp tới:

Xác định kinh doanh gạo vẫn là ngành hàng chính. Tổng sản lượng bán ra trong 5 năm tới dự kiến 1.100.000 tấn, bình quân từng năm tiêu thụ 220.000 tấn/năm.

Tăng cường kinh doanh phụ phẩm từ gạo như cám, tấm và các mặt hàng nông sản như: bắp hạt, sắn lát, khô dầu đậu nành, bột xương thịt... để cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy chế biến thức ăn gia súc, nhằm tăng doanh thu, tạo thêm hiệu quả cho Công ty.

Để đạt số lượng gạo xuất khẩu và kinh doanh nội địa như trên, ngoài hệ thống các kho cung ứng và các Xí nghiệp hiện có, Công ty sẽ đầu tư mở rộng thêm kho tại các vùng nguyên liệu trọng điểm, đồng thời đầu tư thêm công nghệ mới để thâm nhập thị trường gạo cao cấp.

Dù tình hình thị trường nhiều khó khăn nhưng trong năm vừa qua, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều tăng so với năm 2010 lần lượt là 30,86% và 1,06%. Đạt được kết quả khả quan cũng nhờ vào sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty cũng như sự đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

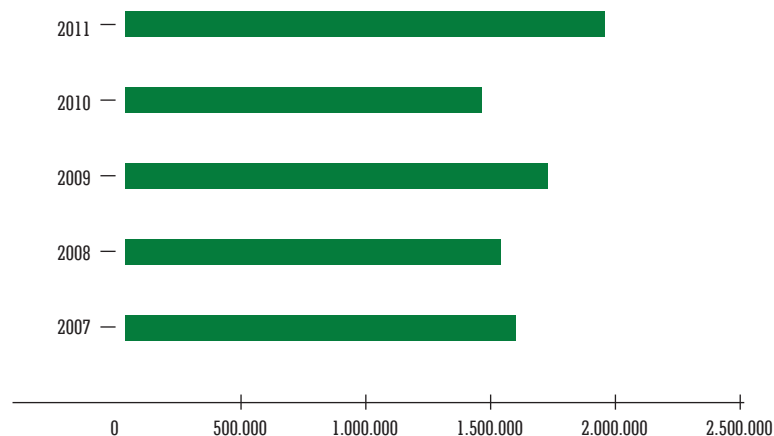
### Báo cáo tình hình tài chính và hoạt động trong năm

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011

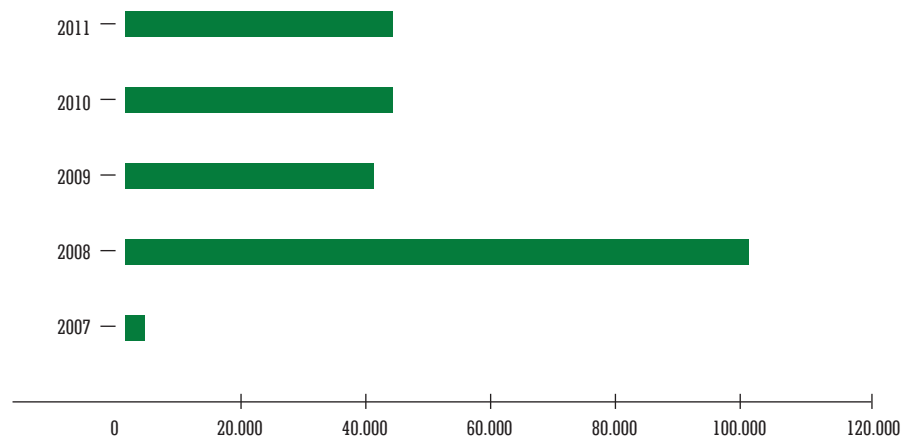
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	% so với KH	% so với cùng kỳ
Mua vào quy gạo	Tấn	200.000	194.885	97,44%	94,27%
Bán ra quy gạo	Tấn	200.000	181.135	90,57%	100,89%
Kim ngạch XNK	USD	65.300.000	63.826.119	97,76%	124,76%
Xuất khẩu	USD	62.500.000	61.406.963	98,25%	126,91%
Nhập khẩu	USD	2.800.000	2.429.156	86,76%	87,26%
Doanh thu	Tỷ đồng	1.900.000	1.927.916	101,47%	130,86%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52.000	45.153	86,83%	100,32%
Nộp Ngân sách	Tỷ đồng		38.041		68,57%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2009, 2010 và BCTC 2011

#### Tổng doanh thu



#### Lợi nhuận trước thuế



Trong năm 2011, doanh thu đạt 1.927 tỷ đồng so với kế hoạch đạt 101,47%, lợi nhuận đạt 45,153 tỷ đồng so với kế hoạch chỉ đạt 86,83%. Nguyên nhân lợi nhuận không đạt kế hoạch là do 6 tháng đầu năm tình hình xuất khẩu gặp khó khăn, những tháng cuối năm giá nguyên liệu tăng đột biến, đồng thời chi phí lãi vay cao đã làm giảm lợi nhuận của công ty.

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2011 so với năm 2010 đều tăng. Doanh thu năm 2011 tăng 30,86% so với năm 2010. Lợi nhuận trước thuế cũng tăng 0,32% so với năm 2010. Đây là kết quả đáng khích lệ của Ban lãnh đạo Công ty so với trong năm vừa qua.

Để đạt được kết quả trên là nhờ Ban lãnh đạo Công ty đã có những nhận định đánh giá và kiểm soát được những rủi ro có thể xảy ra, thận trọng đưa ra những quyết sách theo từng thời điểm, hạn chế ký kết hợp đồng xuất khẩu khi tình hình giá cả trong nước biến động và nguồn cung khan hiếm, chọn thời điểm mua - bán - tồn kho thích hợp nhất để tạo hiệu quả cao nhất.

#### Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	2011	2010	2009
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,09	1,17	1,17
- Hệ số thanh toán nhanh	0,74	0,89	0,36
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,70	0,69	0,64
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,34	2,18	1,75
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	14,41	8,28	6,08
- Vòng quay tổng tài sản	3,31	2,69	3,89
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,80%	2,32%	1,86%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,81%	19,92%	19,89%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,93%	6,26%	7,25%
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	2,15%	3,14%	2,35%

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011 của Vinh Long Food*

#### Một số thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm và thời gian tới

##### Thuận lợi

Gạo là một trong những mặt hàng đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Do vậy, ngành lương thực luôn được sự quan tâm hỗ trợ phát triển của Chính phủ thông qua các chính sách như ưu đãi tín dụng (hỗ trợ lãi vay đối với gạo thu mua tạm trữ theo chỉ đạo, hỗ trợ lãi suất thấp đối với đầu tư xây dựng mới kho chứa); xúc tiến thương mại.

Vinlongfood là một trong những doanh nghiệp có nhiều năm kinh nghiệm và kinh doanh có hiệu quả trong ngành gạo, Công ty đã có một quá trình xây dựng, phát triển, trải qua thử thách, nên đã khẳng định được vị thế của mình rất vững vàng trên thị trường trong và ngoài nước.

Đội ngũ lãnh đạo và cán bộ nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm, tâm huyết trong ngành lương thực.

Cơ sở vật chất: kho tàng, máy móc thiết bị Công ty đã chọn lựa sàng lọc rất kỹ, được đầu tư đồng bộ nên đảm bảo đủ sửa chữa và chủ động khi hoạt động SXKD của Công ty vào lúc cao điểm.

Được các ngân hàng tin tưởng, hỗ trợ tận tình về vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển

### **Khó khăn**

Theo Nghị định 109, các doanh nghiệp trong ngành FDI cũng được cấp phép xuất khẩu gạo, đây sẽ là cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong ngành thời gian tới.

Gạo là một trong những sản phẩm chiến lược của quốc gia nên phải theo sự điều hành chung. Vì vậy, việc xuất khẩu gạo của Công ty phải linh hoạt và phù hợp theo định hướng của Hiệp hội lương thực Việt Nam.

Một số nước nhập khẩu gạo hiện đã và đang phát triển khả năng tự canh tác, sản xuất lúa gạo trong nước để tự cung tự cấp, giảm dần nhu cầu nhập khẩu gạo từ bên ngoài.

Kinh nghiệm về cơ chế thị trường, kinh doanh những ngành hàng khác còn hạn chế. Công ty tập trung quá lớn vào mặt hàng gạo nên khi khó khăn, việc chuyển đổi sang kinh doanh mặt hàng khác còn chậm, chưa mạnh dạn chuyển đổi kịp thời, nên hiệu quả chưa cao.

Vốn đầu tư để mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh phần lớn phải vay từ các ngân hàng, chịu lãi suất tiền vay, nên đã phần nào làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

### **Về đầu tư trang thiết bị, công nghệ, hệ thống kho**

- Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy xay lúa Vĩnh Long tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- Hoàn thành việc di dời máy móc thiết bị của Xí nghiệp Tam Bình từ khu vực chợ tại Thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình về ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình; đồng thời đầu tư xây dựng cơ sở vật chất mới với tổng sức chứa gạo các loại là 12.000 tấn gạo; 2 dây chuyền lau bóng gạo năng suất 16 tấn/giờ, khả năng chế biến gạo các loại trên 70.000 tấn/năm. Do đó, dự án Xí nghiệp Tam Bình đi vào hoạt động với năng lực chế biến tăng lên, tỷ lệ thu hồi thành phẩm cao hơn, chất lượng gạo được cải thiện, tiêu thụ điện năng hợp lý, góp phần giảm giá thành sản xuất nâng cao lợi nhuận cho công ty. Tổng giá trị đầu tư khoảng 19,5 tỷ đồng.
- Triển khai xây dựng “Nhà máy xay xát, hệ thống sấy và lau bóng gạo xuất khẩu” tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang do công ty làm chủ đầu tư. Tiến độ thực hiện hoàn thành việc san lấp mặt bằng 5 hecta.
- Liên kết với một đơn vị hoạt động kinh doanh cùng ngành là Công ty CP Nông nghiệp Tam Nông bằng hình thức góp vốn với tỷ lệ 20% vốn điều lệ.

### **Những thay đổi về cổ đông vốn góp:**

Trong năm 2011, Công ty không có thay đổi về vốn góp của các Cổ đông. Vốn đầu tư của CSH vẫn giữ ở mức 104 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 40% và các đối tượng khác nắm giữ 60%.

### **Thông tin về cổ phiếu, trái phiếu và cổ tức của Công ty:**

Số cổ phiếu của Công ty hiện nay là 10.400.000 cổ phiếu, bao gồm toàn bộ là cổ phiếu thường, không có cổ phiếu ưu đãi. Trong đó không có cổ phiếu quỹ, toàn bộ 10.400.000 cổ phiếu của Công ty đều đang lưu hành trên thị trường.

Sau khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty đã từng bước duy trì mức lợi nhuận cao và mức chi cổ tức cho cổ đông cụ thể như sau: năm 2007 cổ tức là 4,5%/năm; Năm 2008 là 145%; Năm 2009 là 20%; Năm 2010 là 25% và dự kiến 2011 là 25%.



## Kế hoạch phát triển trong năm

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012	2012/2011
Mua vào quy gạo	Tấn	194.885	210.000	107,7%
Bán ra quy gạo	Tấn	181.135	210.000	115,9%
Kim ngạch XK	1.000 USD	61.407	64.000	104,2%
Tổng doanh thu	tr.đồng	1.927.916	2.000.000	103,7%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	45.153	46.000	101,8%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	25,0%	18,0%	72%

Nguồn: Vinh Long Food

### Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tiếp tục giữ vững và ổn định các khách hàng mua gạo chủ yếu của Công ty hiện có, áp dụng các biện pháp thường xuyên như gặp gỡ trực tiếp trao đổi thông tin, ưu tiên chào hàng, có chính sách về giá cả phù hợp và cùng hợp tác giải quyết những vấn đề khó khăn để giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống. Chủ động tổ chức xúc tiến thương mại trong và ngoài nước nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, cải tiến công tác thông tin thị trường, dự báo tình hình để chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh;

Tổ chức tốt công tác mua vào, chuẩn bị đầy đủ nhân sự, nguồn vốn, kho chứa, phương tiện, thiết bị....để triển khai kịp thời và hiệu quả. Do chi phí lãi vay cao và chất lượng lúa gạo nên việc dự trữ phải ở mức độ hợp lý, thực hiện tốt việc hoán đổi lượng hàng tồn kho, tránh chi phí tái chế, nhưng phải đảm bảo có nguồn dự trữ, tồn kho cho xuất khẩu theo từng thời điểm;

Tổ chức thực hiện tốt công tác điều hàng, giao nhận hàng nhanh, đảm bảo tiến độ, góp phần nâng cao hiệu quả cho Công ty;

Đối với các mặt hàng mì màu, phân bón, nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc: thường theo dõi diễn biến cung cầu và giá cả thị trường trong nước và thế giới để lên kế hoạch mua kịp thời với giá cả hợp lý, đảm bảo có chân hàng, hoặc mua có nguồn rời mới ký hợp đồng bán, do còn nhiều rủi ro đối với mặt hàng này. Còn các mặt hàng bao PP, hạt nhựa, gạo đóng túi bán lẻ, hàng tiêu dùng khác....cần xây dựng đội ngũ nhân viên tiếp thị, bán hàng năng động để mở rộng thị trường tiêu thụ, có chính sách bán hàng linh hoạt, tranh thủ thời cơ thuận lợi để khai thác kinh doanh nhằm tăng thêm hiệu quả cho Công ty.

### Hoạt động quản lý:

#### ***Đầu tư xây dựng cơ bản - Mua sắm máy móc thiết bị:***

Tăng cường công tác thu thập thông tin giá cả thị trường mùa vụ để có kế hoạch mua – bán – tồn kho hiệu quả theo từng thời điểm, phát huy hết năng lực kho hàng. máy móc nâng cao năng lực nhập xuất hàng. Tăng tỷ lệ gạo chất lượng cao đạt từ 20-50%/tổng sản lượng tiêu thụ.

Duy trì các thị trường truyền thống đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước. Phát triển hệ thống phân phối gạo nội địa và làm đại lý cho các mặt hàng tiêu dùng khác.

Nhằm đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng cũng như nâng cao chất lượng gạo, Công ty có chiến lược mở rộng diện tích và sản lượng bao tiêu vùng nguyên liệu như ký hợp đồng mua với các HTX, cung cấp giống, phân bón, quy trình canh tác và cử kỹ thuật viên hướng dẫn để đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng cao nhằm ổn định đầu vào và chất lượng sản phẩm.

Tiếp tục đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị các Xí nghiệp để phát huy hết công suất hoạt động tạo đủ nguồn hàng cho xuất khẩu, khắc phục tình trạng phải đặt hàng từ các nhà máy như trong thời gian qua vì khó kiểm soát chất lượng.

Về đầu tư tiếp tục thực hiện các giai đoạn tiếp theo của dự án “Nhà máy xay xát, hệ thống sấy và lau bóng gạo xuất khẩu” tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; Dự kiến đầu năm 2014 đưa vào sử dụng.

Huy động thêm vốn đầu tư dự án “Nhà máy xay xát, hệ thống sấy và lau bóng gạo xuất khẩu” tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; tăng vốn điều lệ công ty con là Cty TNHH MTV Lương thực Kiên Nông từ 20 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng; chuyển đổi loại hình hoạt động của Cty TNHH MTV Lương thực Kiên Nông từ Cty TNHH một thành viên thành Cty TNHH hai thành viên.

Đầu tư góp vốn thành lập công ty để mở rộng địa bàn gần vùng sản xuất lúa trọng điểm tại Kiên Giang.

**Công tác tổ chức – chính sách đối với người lao động:**

Thực hiện chế độ lương, thưởng công bằng trên cơ sở hiệu quả, bảo đảm mức thu nhập hợp lý, để phát huy năng lực đóng góp của từng người lao động.

Thực hiện tuyển dụng, điều động, luân chuyển hoặc sáp nhập trong nội bộ để đảm bảo đầy đủ nhân sự cho các phòng ban, xí nghiệp ổn định hoạt động có hiệu quả, thường xuyên thực hiện việc đánh giá năng lực nhân viên để phân công bố trí nhân sự cho phù hợp.

Phát động các phong trào thi đua trong các đợt sản xuất cao điểm để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí trong sản xuất, khen thưởng kịp thời, thỏa đáng để làm đòn bẩy phát triển Công ty.

**Tài chính kế toán:**

Xây dựng tốt kế hoạch tài chính, quản lý chặt chẽ danh mục đầu tư, quản lý dòng tiền một cách linh hoạt và hiệu quả, nâng cao năng lực phân tích tài chính, làm cơ sở cho các quyết định đầu tư chính xác; thường xuyên cập nhật xác định lại giá thành kế hoạch, làm cơ sở hoạch định giá bán và kiểm soát chi phí sản xuất;

Cập nhật liên tục, kịp thời các chính sách, quy định của Nhà Nước về quản lý thuế, tài chính, xuất khẩu vì các quy định này liên tục được điều chỉnh, thay đổi và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của công ty;

Có kế hoạch và giải pháp cụ thể để thực hành tiết kiệm, giảm các chi phí về nguyên liệu, năng lượng, vật liệu trong sản xuất, điều chỉnh bổ sung các định mức kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm chi phí trong từng khâu, đổi mới quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

Quan hệ tốt với các Ngân hàng, công ty tài chính để nhận tài trợ vốn với lãi suất thấp, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ SXKD và đầu tư cho các dự án;



## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Nhận xét hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

#### Nhận xét hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động SXKD của công ty; đồng thời HĐQT cũng ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm định hướng cho Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều mang tính tập trung, có sự thống nhất cao, được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị và đáp ứng được yêu cầu điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc.

Trong năm qua, tình hình kinh tế đất nước vô cùng khó khăn, giá cả lương thực tăng giảm nhanh chóng, diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, HĐQT và Ban điều hành đã hoạt động tích cực, năng động nắm bắt tình hình kịp thời, vận dụng hợp lý các chính sách của Nhà nước để khắc phục những biến động bất lợi và tận dụng các cơ hội thuận lợi trong kinh doanh đem lại lợi nhuận cho công ty.

#### Báo cáo tài chính của Công ty

Các báo cáo kế toán, sổ sách chứng từ hạch toán được ghi chép và lưu trữ phù hợp với chế độ quy định của Nhà nước cũng như các quy định của Công ty.

Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng quy định, báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Đối chiếu với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua:

	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010
Doanh thu	1.900.000.000.000	1.927.915.728.772	1.473.283.783.394
Lợi nhuận	52.000.000.000	45.152.777.878	45.005.841.667

Doanh thu đạt: 101,47% kế hoạch; 130,86% so năm 2010  
 Lợi nhuận đạt: 86,83 % kế hoạch; 100,33% so năm 2010

## Các kiến nghị của Ban Kiểm soát

### Về công tác đầu tư:

Cần nhắc và thận trọng trong công tác đầu tư mở các nhà máy mới; cần chuẩn hóa quy trình chức năng lập dự án, thực hiện và quản lý dự án đầu tư; định kỳ phân tích, đánh giá hiệu quả dự án nhằm đảm bảo chất lượng dự án đầu tư, kịp thời nắm bắt để có biện pháp điều chỉnh, khắc phục những hạn chế, phát huy hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho từng dự án.

Đầu tư tài chính: Công ty cần nhanh chóng cắt lỗ cho các khoản đầu tư tài chính từ những năm trước để thu hồi vốn tập trung cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

### Công tác sản xuất kinh doanh

Công ty cần tích cực hơn nữa trong việc tìm đầu ra cho hoạt động sản xuất bao bì để nâng công suất nhà máy, giảm giá thành sản phẩm, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

### Về công tác tài chính kế toán

Công ty phải thường xuyên cập nhật kịp thời các chính sách, quy định của Nhà Nước về quản lý thuế, tài chính, xuất khẩu vì các quy định này liên tục được điều chỉnh, thay đổi và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của công ty.

## CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

### Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ 100% vốn góp : Công ty TNHH một thành viên lương thực Kiên Nông
- Công ty có trên 50% vốn góp : không có
- Công ty góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần :

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số vốn liên doanh liên kết hoặc mua cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Công ty TNHH TM Sài Gòn – Vĩnh Long	Vĩnh Long	Siêu thị	5.250.000.000	26,25	Liên kết
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Tam Nông	Đồng Tháp	Xay xát, đánh bóng gạo; vận tải hàng hoá	5.000.000.000	20	Liên kết
Công ty Cổ phần DOCIFISH	Đồng Tháp	Chế biến thức ăn; nuôi trồng, chế biến thủy sản	13.243.070.000	13,35	Mua CP
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ	Ninh Thuận	Du lịch	5.000.000.000	5,72	Mua CP
Nhà máy bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Vĩnh Long	Sản xuất rượu bia, nước giải khác	500.000.000	0,2%	Mua CP

Nguồn: Vĩnh Long Food

### Tình hình tài chính của các Công ty có liên quan

#### Công ty TNHH một thành viên lương thực Kiên Nông

Công ty TNHH một thành viên lương thực Kiên Nông được thành lập từ tháng 11/2011, vốn điều lệ 20 tỷ đồng, chủ sở hữu vốn là Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long.

Công ty TNHH một thành viên lương thực Kiên Nông đầu tư xây dựng nhà máy xay xát, hệ thống sấy và lau bóng gạo xuất khẩu trên diện tích 7,5 ha tại thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Dự án bao gồm các hạng mục: đầu tư hệ thống sấy lúa tuần hoàn năng suất 1.400 tấn lúa/ngày, dây truyền xay xát, lau bóng gạo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu năng suất 18 tấn lúa/giờ, hệ thống kho/silo chứa lúa/hệ thống thổi hơi lạnh với tổng tích lượng 100.000 tấn. Công ty sản xuất và cung ứng cho thị trường sản phẩm chính là gạo thành phẩm từ 5% đến 25% tấm, các loại phụ phẩm là tấm, cám và củi trấu. Hiện Công ty đang trong giai đoạn san lấp mặt bằng.

Số liệu	Đơn vị	2011
Vốn điều lệ	Triệu đồng	20.000
Tổng tài sản	Triệu đồng	6.777
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	6.775

### Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long

Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 1/2007, với tổng diện tích là 11.000m<sup>2</sup>. Đây là công ty liên doanh có vốn điều lệ 20 tỷ đồng với cơ cấu vốn là Vĩnh Long Food 26,25% và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop 73,75%, Siêu thị Co.op Mart ra đời nhằm phục vụ nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh doanh...

Số liệu	Đơn vị	2011
Vốn điều lệ	Triệu đồng	20.000
Tổng tài sản	Triệu đồng	64.556
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	32.775
Doanh thu thuần	Triệu đồng	300.231
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.479

### Công ty cổ phần Nông nghiệp Tam Nông

Công ty cổ phần Nông nghiệp Tam Nông với cơ cấu vốn điều lệ Docimexco chiếm 51%, Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long chiếm 20%, Công ty CP Hoàn Mỹ chiếm 20% và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim chiếm 9%. Đến thời điểm 31/12/2011 Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đã góp 5 tỷ đồng (tương ứng 10% vốn điều lệ).

Công ty cổ phần Nông Nghiệp Tam Nông có kế hoạch đầu tư xây dựng nhà máy sấy, kho tồn trữ, xay xát lúa gạo xuất khẩu trên diện tích 7ha tại Huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp. Dự án bao gồm các hạng mục: đầu tư hệ thống sấy lúa tuần hoàn năng suất 1.400 tấn lúa/ngày, dây truyền xay xát, lau bóng gạo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu năng suất 18 tấn lúa/giờ, hệ thống kho/silo chứa lúa/hệ thống thổi hơi lạnh với tổng tích lượng 69.000 tấn. Công ty sản xuất và cung ứng cho thị trường sản phẩm chính là gạo thành phẩm từ 5% đến 25% tấm, các loại phụ phẩm là tấm, cám và củi trấu. Hiện Công ty đang trong giai đoạn thiết kế xây dựng và san lấp mặt bằng.

Số liệu	Đơn vị	2011
Vốn điều lệ	Triệu đồng	50.000
Tổng tài sản	Triệu đồng	15.390
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	15.371
Doanh thu thuần	Triệu đồng	-
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(545)

### Công ty cổ phần Docifish

Công ty cổ phần Docifish với cơ cấu vốn điều lệ Docimexco chiếm 73,84%. Công ty Hoàn Mỹ 12,81% và Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long chiếm 13,35%.

Công ty hiện có nhà máy chế biến cá tra xuất khẩu công suất 12.000 tấn thành phẩm/năm, nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản công suất 80.000 tấn thành phẩm/năm và Trung tâm nuôi trồng thủy sản với sản lượng thu hoạch 22.000 tấn nguyên liệu cá tra/năm. Với hệ thống khép kín từ con giống, nuôi cá thương phẩm đến chế biến xuất khẩu, cung cấp thức ăn thủy sản và sản phẩm GTGT từ cá tra thị trường nội địa các tỉnh ĐBSCL và xuất khẩu cá tra đi nhiều nước như: EU, Thụy Sĩ, Trung Đông, Canada, Úc, México...

Số liệu	Đơn vị	2011
Vốn điều lệ	Triệu đồng	99.229
Tổng tài sản	Triệu đồng	578.965
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	114.898
Doanh thu thuần	Triệu đồng	752.570
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	15.633

### Công ty Cổ phần du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ

Khách sạn Sài Gòn Ninh Chữ sang trọng đạt tiêu chuẩn 4 sao đầu tiên tại Ninh Thuận, cách trung tâm Thành phố Phan Rang 7 km hướng về phía Đông, diện tích 6,55 ha nhìn ra bãi biển, với trang thiết bị tiện nghi hiện đại (120 phòng nghỉ, 11 phòng massage, 01 phòng xông hơi khô, ...với đầy đủ trang thiết bị mang đậm phong cách Việt Nam cùng nhiều tiện nghi). Mặc dù qua các năm công suất cho thuê phòng có tăng, doanh thu có tăng nhưng vẫn ở mức thấp chưa đủ bù đắp chi phí hoạt động.

Số liệu	Đơn vị	2011
Vốn điều lệ	Triệu đồng	87.400
Tổng tài sản	Triệu đồng	70.700
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	69.346
Doanh thu thuần	Triệu đồng	17.713
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(2.254)

### Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

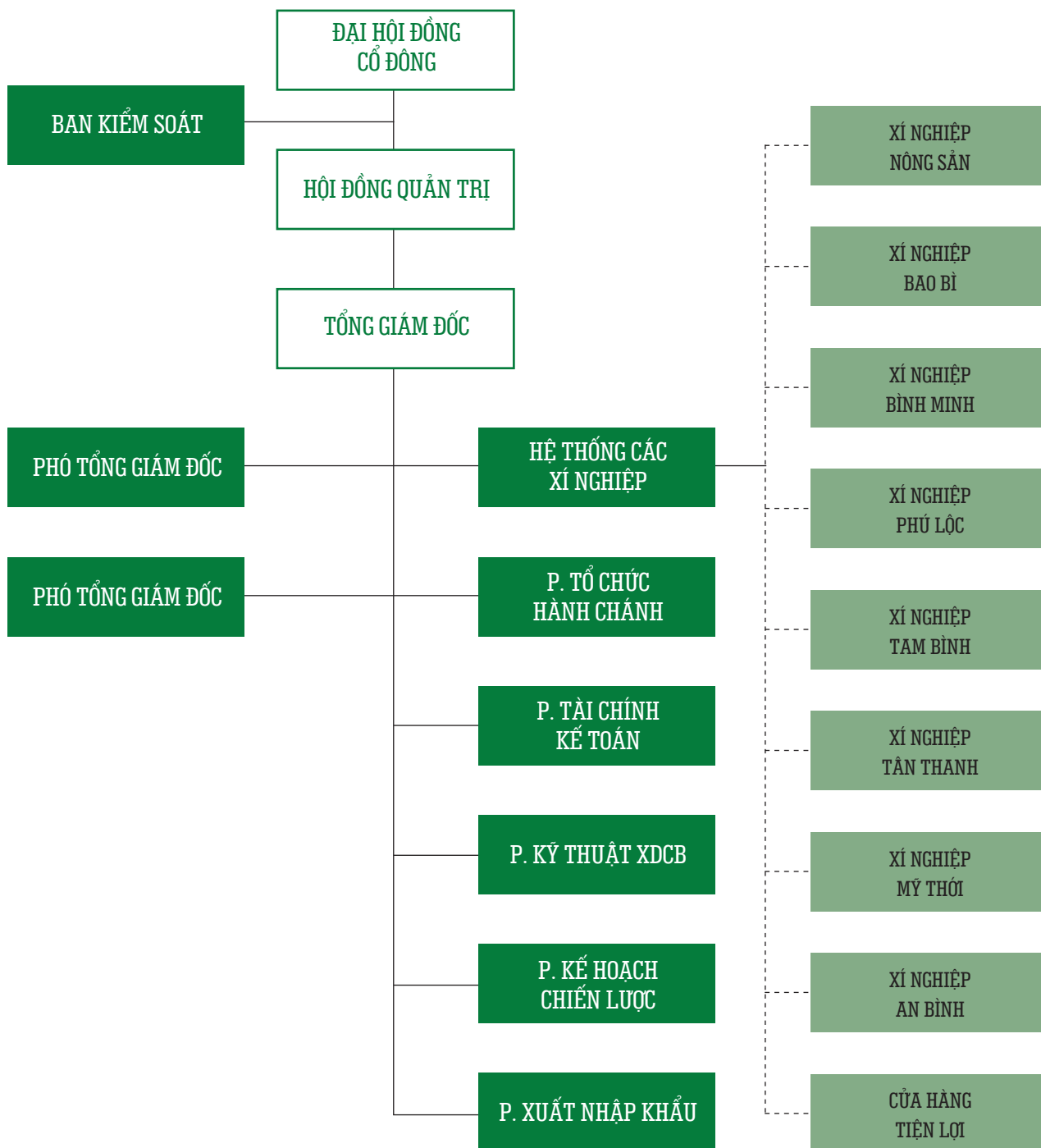
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (Nhà máy bia Sài Gòn - Vĩnh Long), Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, vốn điều lệ là 250 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư dự kiến 1.500 tỷ đồng thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn và vốn khai thác. Trong đó thiết bị và nhà xưởng chiếm khoảng 1.200 tỷ đồng. Sản phẩm chính là bia Sài Gòn Export và bia lon 333.





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Cơ cấu tổ chức



## Tóm tắt lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN THANH HOÀNG : Tổng Giám Đốc  
Năm sinh : 1966  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - ngành Quản trị kinh doanh  
Sở hữu cá nhân : 3.800 cổ phiếu

Ông TRẦN THANH HÙNG : Phó Tổng Giám Đốc  
Năm sinh : 1965  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - ngành Kế toán tổng hợp  
Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Ông NGUYỄN VĂN HỒ : Phó Tổng Giám Đốc  
Năm sinh : 1965  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán tổng hợp  
Sở hữu cá nhân : 6.600 cổ phần

## Các thay đổi trong Ban điều hành Công ty:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
<b>Miễn nhiệm Thành viên HĐQT</b>			
1	Phan Thị Ánh	Chủ tịch HĐQT	30/12/2011
2	Đặng Kỳ Trung	Thành viên HĐQT	09/6/2011
<b>Bổ nhiệm</b>			
1	Ông Châu Hiếu Dũng	Chủ tịch HĐQT	30/12/2011
2	Ông Dương Lê Dũng	Thành viên HĐQT	09/6/2011

Ngày 09/6/2011, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết đồng ý cho Ông Dương Lê Dũng thay thế ông Đặng Kỳ Trung tham gia Hội đồng quản trị Công ty theo quyết định số 125/QĐ-HĐTV ngày 06/5/2011 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc thay đổi đại diện 20% phần vốn của Tổng Công ty Lương thực Miền nam.

- Ngày 30/12/2011, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết đồng ý cho Ông Châu Hiếu Dũng thay thế bà Phan Thị Ánh tham gia Hội đồng quản trị Công ty theo quyết định số 293/QĐ-HĐTV ngày 14/12/2011 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc thay đổi đại diện 20% phần vốn của Tổng Công ty Lương thực Miền nam và đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ	Thù lao và lợi ích
Nguyễn Thanh Hoàng	Tổng Giám Đốc	706
Trần Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	551
Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	555

## Chính sách đãi ngộ với CBCNV

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2011 là 258 người.

### Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty

Phân loại theo trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ
Đại Học	77	29,8%
Cao đẳng	9	3,5%
Trung cấp	45	17,4%
Công nhân kỹ thuật	11	4,3%
Lao động phổ thông	116	45%
Tổng	258	100%

### Chính sách phúc lợi và đãi ngộ cho CBCNV:

Chính sách đãi ngộ lao động luôn được Vĩnh Long Food liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó lâu dài, phát huy văn hóa doanh nghiệp của Công ty.

- Điều kiện làm việc: Văn phòng, nhà xưởng sạch sẽ thoáng mát, điều kiện môi trường lao động đảm bảo sức khỏe của CBNV. Công ty cấp đồng phục cho CBNV, đầu tư các trang thiết bị đầy đủ và các thiết bị an toàn lao động để CBNV có điều kiện phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.
- Chế độ lương: Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên căn cứ vào hiệu quả công việc và theo Quy chế quản lý và phân phối tiền lương của Công ty. Cụ thể, Công ty thực hiện việc trả lương theo 2 hình thức đó là: trả lương cơ bản và trả lương theo kết quả công việc. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm theo chế độ quy định hiện hành và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Thu nhập (bình quân đồng/người/tháng)	3.848.000	2.685.000	3.221.000	8.448.000	7.858.000	7.916.000

Chế độ thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào hoạt động kinh doanh Công ty. Công ty quan tâm thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho CBNV nhằm khuyến khích người lao động năng động phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến trong công việc, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh.

Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định cho tất cả CBNV. Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBNV tham quan nghỉ mát ít nhất 1 lần, Công ty rất chú ý nâng cao đời sống tinh thần của CBNV.

Tổ chức công đoàn: Hiện nay Công đoàn Công ty là Tổ chức Công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn Tổng Công ty Lương thực thực phẩm Miền Nam gồm 238 đoàn viên chia ra sinh hoạt tại 13 tổ Công đoàn trực thuộc. Công đoàn công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên tổ chức cho CBNV đi tham quan nhân các ngày lễ lớn trong năm. Khen thưởng cho con CBNV trong Công ty có thành tích học tập tốt.

Các chế độ phụ cấp: Công ty có các chế độ phụ cấp cho nhân viên, đặc biệt là công nhân ở các xí nghiệp sản xuất như: phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm.... Công ty đã xây dựng nhà tập thể cho nhân viên ở xa để ổn định đời sống tinh thần cho người lao động, nhằm động viên họ làm việc tốt hơn.

### **Chính sách đào tạo nguồn nhân lực:**

Công ty luôn chú ý xây dựng nguồn nhân lực sao cho phù hợp với quy mô và định hướng sự phát triển của công ty, cụ thể như sau:

Tuyển dụng: tuyển dụng nhân viên, cán bộ quản lý và lao động được thực hiện theo quy chế quản lý, sử dụng và tuyển dụng lao động của Công ty. Công ty thực hiện tuyển dụng đúng người cho đúng vị trí, tránh dư thừa nguồn nhân lực, cũng như đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế của công ty. Công ty tập trung vào hai nguồn chính là đội ngũ lao động có tay nghề và kinh nghiệm để đưa vào làm các cán bộ chủ chốt, và tuyển dụng các sinh viên mới ra trường cho các vị trí mới, cần sự sáng tạo.

Đào tạo nguồn nhân lực: huấn luyện chuyên môn tay nghề, cử đi học các lớp đào tạo nghiệp vụ. Tập trung đào tạo các chuyên ngành như: Marketing, xây dựng thương hiệu, tin học, anh văn, kiểm toán nội bộ, quản trị tài chính...

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát. Kế toán trưởng

STT	Họ Tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân (CP)
<b>Hội đồng Quản Trị</b>				
1	Châu Hiếu Dũng	Chủ tịch	Cử nhân TCKT	0
2	Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên	Cử nhân kinh tế QTKD	3.800
3	Dương Lê Dũng	Thành viên	Kỹ sư Nông nghiệp	15.400
4	Anthony Nguyễn	Thành viên	Thạc sĩ kinh tế - thạc sĩ hóa công nghệ	0
5	Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Cử nhân kinh tế TCTD	0
<b>Ban Kiểm Soát</b>				
1	Trang Hữu Nghĩa	Trưởng ban	Cử nhân luật kinh doanh	1.000
2	Lê Minh Việt	Thành viên	Cử nhân kinh tế TCDN	0
3	Nguyễn Thị Thúy Liêm	Thành viên	Cử nhân kinh tế TCTD	6.000
<b>Kế toán trưởng</b>				
1	Phan Ngọc Bình	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế TCKT	3.132

Trong đó:

- 04 thành viên HĐQT độc lập không điều hành Công ty
- 01 thành viên BKS độc lập không điều hành Công ty

#### Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm quyết định mọi vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, nhân sự, chính sách đãi ngộ... Tùy vào tình hình kinh doanh và đánh giá thị trường hoạt động của Công ty, Hội Đồng Quản Trị vạch ra chiến lược hoạt động cho Công ty sao cho có hiệu quả nhất. Trong từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Quản Trị sẽ ra các quyết định phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

*Các cuộc họp trong năm của HĐQT (không có cuộc họp riêng của các thành viên HĐQT độc lập không điều hành):*

Ngày họp Nội dung

---

**14/01/2011** Thông qua quỹ lương năm 2011 (bao gồm lương Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và tất cả CBNV trong Công ty).

Thông nhất đặt tên nhà máy xay xát tại xã Vĩnh Trạch huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là nhà máy xay xát An Giang, hạch toán báo cáo sổ trục thuộc Xí nghiệp chế biến lương thực số 8.

---

**21/02/2011** Thông nhất sửa đổi tên một số chi nhánh trực thuộc Công ty.

Thông nhất ghi ý kiến ngoại trừ trong báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán về vấn đề truy thu thuế TNDN năm 2007 – 2008. Ban điều hành Công ty tiếp tục làm văn bản khiếu nại gửi Tổng Cục thuế giải quyết vấn đề trên.

Thông qua Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 hướng giải quyết về nguồn tài chính và hướng xử lý việc truy thu thuế TNDN năm 2007 – 2008.

Thông qua thời gian, địa điểm và nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2011. Dự kiến trình Đại hội cổ đông mức chia cổ tức năm 2010 là 25% (bằng tiền mặt); kế hoạch chia cổ tức 2011 là 20%.

---

**16/3/2011** Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2010 cho cổ đông như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: 7/4/2011.
  - Ngày chi trả cổ tức: 28/04/2011.
  - Tỷ lệ chi trả: 25%/mệnh giá (01 cổ phiếu nhận được 2.500 đồng); Nguồn chi trả cổ tức: từ lợi nhuận sau thuế năm 2010.
- 

**09/6/2011** **Vấn đề 1:** Thông qua quyết định 125/QĐ-HĐTV ngày 06/5/2011 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc thay đổi đại diện 20% phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Lương thực Miền nam và cử ông Dương Lê Dũng tham gia Ủy viên Hội đồng quản trị thay ông Đặng Kỳ Trung tại Công ty CP Lương thực – Thực phẩm Vĩnh Long kể từ ngày 09/6/2011.

**Vấn đề 2:** Thông nhất xây dựng mở rộng nhà máy xay xát lúa tại An Giang diện tích 1.031,8m<sup>2</sup> với số tiền 1.893.338.000 đồng.

**Vấn đề 3:** Thông nhất chọn Công ty cổ phần kiểm toán và tư vấn (A&C) làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011.

**Vấn đề 4.** Chấp thuận cho Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký các hợp đồng vay tín dụng tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Vĩnh Long với hạn mức 300 tỷ đồng (Ba trăm tỷ đồng).

---

**30/12/2011** 1/ Thông nhất quyết định số 293/QĐ-HĐTV ngày 14/12/2011 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam V/v thay đổi đại diện 20% phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam tại Công ty CP Lương thực – Thực phẩm Vĩnh Long. Kể từ ngày 01/01/2012 ông Châu Hiếu Dũng tham gia Hội đồng quản trị thay bà Phan Thị Ánh tại Công ty CP Lương thực – Thực phẩm Vĩnh Long.

2/ Thông nhất bầu ông Châu Hiếu Dũng đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 01/01/2012.

---

#### Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng qui định của Điều lệ Tổ chức và hoạt động.
- Trưởng Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT, Ban điều hành.
- Ban kiểm soát đã tham gia trong việc kiểm kê hàng hoá cuối năm, thẩm tra báo cáo tài chính 9 tháng, cả năm 2011 của Công ty cùng với đoàn làm việc của Công ty kiểm toán.

## Kế hoạch hoạt động trong năm 2012

Tập trung vào các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012;
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012;
- Định kỳ 6 tháng có báo cáo soát xét các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành;
- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị 6 tháng và năm 2012;

## Thù lao của HĐQT và BKS

Họ tên	Chức vụ	Thù lao và lợi ích (triệu đồng)
Phan Thị Ánh	Chủ tịch HĐQT	712
Châu Hiếu Dũng	Chủ tịch HĐQT	0
Đặng Kỳ Trung	Thành viên HĐQT	64
Dương Lê Dũng	Thành viên HĐQT	21
Anthony Nguyễn	Thành viên HĐQT	85
Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	85
Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên HĐQT	706
Trang Hữu Nghĩa	Trưởng BKS	85
Nguyễn Thị Thúy Liêm	Thành viên BKS	324
Lê Minh Việt	Thành viên BKS	321

Ghi chú: Ông Châu Hiếu Dũng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/01/2012 theo nghị quyết số 46/NQ.HĐQT ngày 30/12/2011 của HĐQT Công ty CP Lương thực – Thực phẩm Vĩnh Long.

## Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 12/3/2012

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>4.160.000</b>	<b>40%</b>
<b>Cá nhân</b>	<b>3.185.962</b>	<b>30,6%</b>
- Trong nước	3.138.512	30,2%
- Ngoài nước	47.450	0,4%
<b>Tổ chức</b>	<b>3.054.038</b>	<b>29,4%</b>
- Trong nước	2.941.038	28,3%
- Ngoài nước	113.000	1,1%
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.400.000</b>	<b>100.00%</b>



## Cổ đông Nhà nước

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

+ Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 42 Chu Mạnh Trinh. P.Bến Nghé. Quận 1. TP. HCM

Điện thoại : (84-8) 38 292 342

Fax : (84-8) 38 298 001

Email : vsfc@fmail.vnn.vn

Website : <http://www.vinafood2.com>

STT	Tên Người đại diện	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Ông Châu Hiếu Dũng	108/911 C Nguyễn Văn Công, Phường 3, Quận Gò Vấp -TP.HCM	2.080.000	20.00%
2	Ông Dương Lê Dũng	78 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	2.080.000	20.00%
Tổng cộng			4.160.000	40.00%

### + Ngành nghề kinh doanh

Mua bán. xay xát, chế biến. bảo quản lương thực. thực phẩm. lúa mì. bột mì, nông sản. Mua bán thủy sản, phân bón, máy móc phục vụ ngành nông nghiệp, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, vật tư, thiết bị máy móc ngành công-nông nghiệp, rượu, bia, thuốc lá điều (sản xuất trong nước). Kinh doanh bất động sản. Quản lý khai thác cảng biển, bến thủy nội bộ. Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy. Sửa chữa phương tiện vận tải thủy bộ. Dịch vụ cho thuê kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). San lấp mặt bằng. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật điện, cơ khí, xây dựng. Sản xuất. đóng mới các phương tiện vận tải thủy.

Sản xuất, mua bán thức ăn chăn nuôi. Nuôi, chế biến thủy hải sản. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác, mua bán nước uống tinh khiết, nước khoáng. Dịch vụ hỗ trợ trồng trọt, cung cấp giống cây trồng, thu hoạch cây trồng.

Quảng cáo thương mại, tiếp thị. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (hoặc quán ăn uống bình dân) (Không sản xuất, khai thác, chế biến, sửa chữa tại trụ sở công ty)

## Cổ đông lớn

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	42 Chu Mạnh Trinh. TPHCM	4.160.000	40.00 %
2	CTCP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim (Đại diện : Ông Anthony Nguyễn)	1-5 Trần Hưng Đạo. Q 1. TPHCM	2.428.578	23.4 %
3	Nguyễn Thị Tuyết Minh	153/4 Võ Văn Tần, P6, Q3 TPHCM	531.000	5,1%
Tổng cộng			7.119.578	68,5%

## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

Xem mục VII.2.b

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NGUYỄN KIM

### Trụ sở

Địa chỉ : 1-5 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (84-8) 38 211 211

Fax : (84-8) 38 210 818

Email : info@trade.nguyenkim.com

Website : http://www.nguyenkim.com

### Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản. Tư vấn quản lý doanh nghiệp (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Mua bán xe ô tô, xe gắn máy, hàng điện – điện tử – điện lạnh – điện dân dụng, trang thiết bị – máy móc ngành công nông lâm ngư nghiệp, hàng trang trí nội ngoại thất, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ trang sức, lương thực, thực phẩm, đồ uống – bia – rượu (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở), đồ dùng cá nhân và gia đình. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).

### Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các cổ đông lớn và người có liên quan.

Tính đến ngày 13/03/2012. Công ty có phát sinh các giao dịch của người có liên quan như sau :

Tên người giao dịch	Chức vụ	Người liên quan	SLCP trước giao dịch	Giao dịch – Bán	Ngày thực hiện
Nguyễn Đăng Trình	Con	Phan Thị Ánh – CTịch HĐQT	5.400	5.400	14/2/2011



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long và Công ty TNHH một thành viên Lương thực Kiên Nông (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

#### Khái quát về Tập đoàn

##### Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 08 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh như sau:

- Đăng ký thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 8 về việc bổ sung chi nhánh, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện pháp luật và tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 10 năm 2009 và lần thứ 10 ngày 27 tháng 5 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 52.000.000.000 VND lên 104.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	104.000.000.000		VND
Số lượng cổ phần	:	10.400.000	cổ	phần
Mệnh giá	:	10.000 VND/cổ phần		

Cổ đông	Số cổ phần	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông sáng lập	4.460.000	44.600.000.000	42,88
Cổ đông đại diện vốn của Nhà nước	4.160.000	41.600.000.000	40,00
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	100.000	1.000.000.000	0,96
Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Hàng hải Phú Mỹ	200.000	2.000.000.000	1,92
Các cổ đông khác	5.940.000	59.400.000.000	57,12
Cộng	10.400.000	104.000.000.000	100%

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 38 đường 2/9, Phường 1, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại : (070) 3.822.512

Fax : (070) 3.823.773

E\_mail : vinhlongfood@hcm.vnn.vn

Website : www.vinhlongfood.com.vn

Mã số thuế : 1500170900

**Các đơn vị trực thuộc:**

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1.	Xí nghiệp nông sản	Số 32/2A đường Phạm Hùng, Phường 9, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
2.	Xí nghiệp chế biến lương thực Bình Minh	Số 544/10 đường Phan Văn Năm, thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
3.	Xí nghiệp chế biến lương thực Phú Lộc	Tổ 1, ấp 3A, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
4.	Xí nghiệp chế biến lương thực Tam Bình	Số 18A đường Võ Tấn Đức, thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
5.	Xí nghiệp Bao bì	Ấp Phước Long, xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
6.	Xí nghiệp chế biến lương thực Tân Thạnh	Số 242A/1 ấp Thới Khánh, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ
7.	Xí nghiệp chế biến lương thực Mỹ Thới	Tổ 7 khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
8.	Xí nghiệp chế biến lương thực An Bình	Số 89/2 Lộ Vòng Cung, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
9.	Cửa hàng Tiện Lợi	Số 4-6-10 Phạm Hùng, Phường 2, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
10.	Văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh	Số 31 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**Hoạt động chính của Công ty là:**

- Bán buôn gạo;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày, dép;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

### Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ Trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên Lương thực Kiên Nông	Tổ 5, ấp Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452768 ngày 12/11/2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp	100%

### Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Ngày 13 tháng 7 năm 2011, Tổng cục thuế đã ban hành Quyết định số 979/QĐ-TCT về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 và 2008 bị truy thu là 31.347.563.097 VND. Tại Quyết định này, Tổng cục thuế không công nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Công ty và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 10 tháng 8 năm 2011, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã gửi Đơn khởi kiện đến Tòa án Nhân dân tỉnh Vĩnh Long để kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long về Quyết định số 213/QĐ-CT, ngày 22 tháng 6 năm 2010 về việc xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 38).

Theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ-VLF ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long, lợi nhuận năm 2010 của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long được phân phối như sau:

Nội dung	Số tiền (VND)
1. Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (10%)	3.424.858.208
2. Trích lập Quỹ dự phòng tài chính (5%)	1.712.429.104
3. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	1.712.429.104
4. Chia cổ tức 25% bằng tiền mặt	26.000.000.000
5. Lợi nhuận giữ lại	1.398.865.665
<b>Cộng</b>	<b>34.248.582.081</b>

*Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

*Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý*

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

*Hội đồng quản trị*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Ánh	Chủ tịch	Ngày 09 tháng 11 năm 2006	Ngày 01 tháng 01 năm 2012
Ông Châu Hiếu Dũng	Chủ tịch	Ngày 01 tháng 01 năm 2012	-
Ông Đặng Kỳ Trung	Thành viên	Ngày 03 tháng 03 năm 2009	Ngày 09 tháng 06 năm 2011
Ông Dương Lê Dũng	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2011	-
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên	Ngày 09 tháng 11 năm 2006	-
Ông Anthony Nguyễn	Thành viên	Ngày 09 tháng 11 năm 2006	-
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Ngày 29 tháng 03 năm 2010	-

*Ban kiểm soát*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trang Hữu Nghĩa	Trưởng ban	Ngày 29 tháng 03 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thúy Liêm	Thành viên	Ngày 09 tháng 11 năm 2006	-
Ông Lê Minh Việt	Thành viên	Ngày 18 tháng 01 năm 2008	-

*Ban điều hành, quản lý*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Tổng Giám đốc	Ngày 06 tháng 02 năm 2009	-
Ông Trần Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 28 tháng 04 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 11 tháng 03 năm 2010	-
Ông Phan Ngọc Bình	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 12 năm 2006	-

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

### Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Thanh Hoàng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 18 tháng 02 năm 2012





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 011CT/2012/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long và Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Lương thực Kiên Nông (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 13 tháng 02 năm 2012, từ trang 08 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 02 tháng 03 năm 2011 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến việc Công ty chưa giảm Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối để làm nguồn chi các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 và 2008 phải nộp bổ sung với tổng số tiền là 31.347.563.097 VND.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ việc Tập đoàn chưa giảm Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để làm nguồn chi các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 và 2008 phải nộp bổ sung với tổng số tiền là 31.347.563.097 VND theo như Quyết định số 979/QĐ-TCT ngày 13 tháng 7 năm 2011 của Tổng cục thuế về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long và khoản đầu tư vào Công ty liên kết (Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long) chưa được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu (thuyết minh I.5), Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

**Chi nhánh Cần Thơ**



**Nguyễn Minh Trí - Giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

**Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

TP. Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2012

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		"Mã số"	"Thuyết minh"	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>446.595.563.443</b>	<b>438.445.880.317</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>133.298.567.963</b>	<b>70.320.556.422</b>
1.	Tiền	111		2.840.901.296	3.620.556.422
2.	Các khoản tương đương tiền	112		130.457.666.667	66.700.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.854.800.400</b>	<b>37.271.783.200</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	16.182.330.700	41.182.330.700
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5.327.530.300)	(3.910.547.500)
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>156.509.048.954</b>	<b>213.988.600.262</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	103.854.275.872	74.290.278.513
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	19.649.012.523	106.441.402.944
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	35.076.296.531	33.340.918.805
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(2.070.535.972)	(84.000.000)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>142.595.924.606</b>	<b>105.398.563.745</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	146.196.061.080	105.398.563.745
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(3.600.136.474)	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.337.221.520</b>	<b>11.466.376.688</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		274.105.033	4.385.615.251
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	-	3.027.828.622
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	3.063.116.487	4.052.932.815

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	"Mã số"	"Thuyết minh"	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>136.615.836.075</b>	<b>108.634.988.892</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>107.498.882.123</b>	<b>84.289.418.893</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	82.096.029.929	66.028.641.165
Nguyên giá	222		134.102.472.289	112.065.947.767
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.006.442.360)	(46.037.306.602)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	22.621.975.896	18.198.985.910
Nguyên giá	228		22.828.062.246	18.341.722.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(206.086.350)	(142.736.890)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	2.780.876.298	61.791.818
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>27.847.065.350</b>	<b>23.993.070.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	10.250.000.000	5.250.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	18.743.070.000	18.743.070.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(1.146.004.650)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.269.888.602</b>	<b>352.499.999</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	1.269.888.602	352.499.999
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>583.211.399.518</b>	<b>547.080.869.209</b>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	"Mã số"	"Thuyết minh"	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>408.500.087.743</b>	<b>375.156.799.430</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>408.183.539.694</b>	<b>374.996.072.684</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	381.038.304.256	347.633.697.049
2. Phải trả người bán	312	V.20	567.793.236	397.599.054
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	10.597.916.000	9.776.865.825
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	5.940.978.914	937.329.788
5. Phải trả người lao động	315	V.23	3.913.382.719	4.813.507.654
6. Chi phí phải trả	316	V.24	299.041.399	600.576.054
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	5.826.123.170	11.529.920.365
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	-	(693.423.105)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>316.548.049</b>	<b>160.726.746</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	316.548.049	160.726.746
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>174.711.311.775</b>	<b>171.924.069.779</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.28</b>	<b>174.711.311.775</b>	<b>171.924.069.779</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	104.000.000.000	104.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.28	-	3.925.052.036
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	27.828.697.567	24.403.839.359
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	3.399.614.161	1.687.185.057
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	39.483.000.047	37.907.993.327
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>B - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>583.211.399.518</b>	<b>547.080.869.209</b>

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	"Mã số"	"Thuyết minh"	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			114.988.000	-
5. Ngoại tệ các loại:			-	-
USD			14.140	25.466
EUR			-	562
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Vinh Long, ngày 13 tháng 02 năm 2012

**Bành Trung Trực**  
Người lập biểu

**Phan Ngọc Bình**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thanh Hoàng**  
Tổng Giám đốc

## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.927.920.691.161	1.473.326.971.657
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4.962.389	43.188.263
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.927.915.728.772	1.473.283.783.394
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.813.053.760.986	1.367.133.314.080
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		114.861.967.786	106.150.469.314
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	73.165.393.625	58.507.901.764
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	75.171.638.440	37.318.546.032
Trong đó: chi phí lãi vay	23		50.766.161.166	29.779.966.989
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	34.952.754.947	49.103.137.576
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	36.467.089.562	31.951.971.398
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.435.878.462	46.284.716.072
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.591.060.329	10.338.351.959
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.874.160.913	11.617.226.364
13. Lợi nhuận khác	40		3.716.899.416	(1.278.874.405)
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.152.777.878	45.005.841.667
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	10.542.054.742	10.757.259.586
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.610.723.136	34.248.582.081
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		34.610.723.136	34.248.582.081
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.328	3.293

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 02 năm 2012



**Bành Trung Trực**  
Người lập biểu



**Phan Ngọc Bình**  
Kế toán trưởng




**Nguyễn Thanh Hoàng**  
Tổng Giám đốc

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	"Mã số"	"Thuyết minh"	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.152.777.878	45.005.841.667
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13	8.121.145.327	7.606.259.184
- Các khoản dự phòng	03	V3,7,9,17	8.149.659.896	152.145.200
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(3.161.014.611)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(37.669.212.724)	(29.140.050.939)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	50.766.161.166	29.779.966.989
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08			
trước thay đổi vốn lưu động			71.359.516.932	53.404.162.101
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		59.916.560.912	(156.727.251.259)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(40.797.497.335)	119.360.797.482
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(3.942.815.881)	(22.783.943.317)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(917.388.603)	39.166.667
- Tiền lãi vay đã trả	13		(51.067.695.821)	(30.101.941.978)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.427.744.016)	(23.963.594.907)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		67.375.869.790	36.773.890.526
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(69.054.532.729)	(36.943.335.163)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>28.444.273.249</b>	<b>(60.942.049.848)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12,13,14	(32.385.507.963)	(9.449.568.062)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.719.412.255	5.303.629.887
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(193.000.000.000)	(35.472.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		218.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.15	(5.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.384.703.272	24.661.794.052
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>27.718.607.564</b>	<b>(14.956.644.123)</b>

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	"Mã số"	"Thuyết minh"	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	2.534.389.056.127	1.877.263.198.928
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(2.501.735.615.368)	(1.741.390.668.962)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(25.829.750.000)	(20.824.050.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>6.823.690.759</b>	<b>115.048.479.966</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>62.986.571.572</b>	<b>39.149.785.995</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>70.320.556.422</b>	<b>31.172.668.989</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.560.031)	(1.898.562)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>133.298.567.963</b>	<b>70.320.556.422</b>

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 02 năm 2012



**Bành Trung Trực**  
Người lập biểu



**Phan Ngọc Bình**  
Kế toán trưởng




**Nguyễn Thanh Hoàng**  
Tổng Giám đốc



**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	104.000.000.000	21.254.102.686	112.316.721	391.537.781	33.149.700.263	158.907.657.451
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	34.248.582.081	34.248.582.081
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	3.149.736.673	1.574.868.336	-	(8.504.289.017)	(3.779.684.008)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(20.800.000.000)	(20.800.000.000)
Tặng khác	-	-	-	3.925.537.109	-	3.925.537.109
Giảm khác	-	-	-	(392.022.854)	(186.000.000)	(578.022.854)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>24.403.839.359</b>	<b>1.687.185.057</b>	<b>3.925.052.036</b>	<b>37.907.993.327</b>	<b>171.924.069.779</b>
Số dư đầu năm nay	104.000.000.000	24.403.839.359	1.687.185.057	3.925.052.036	37.907.993.327	171.924.069.779
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.610.723.136	34.610.723.136
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	3.424.858.208	1.712.429.104	-	(6.849.716.416)	(1.712.429.104)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(26.000.000.000)	(26.000.000.000)
Hoàn nhập số đầu năm	-	-	-	(3.925.052.036)	-	(3.925.052.036)
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(186.000.000)	(186.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>27.828.697.567</b>	<b>3.399.614.161</b>	<b>-</b>	<b>39.483.000.047</b>	<b>174.711.311.775</b>

Vinh Long, ngày 13 tháng 02 năm 2012



*Nguyệt*

**Phan Ngọc Bình**  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Thanh Hoàng*

**Nguyễn Thanh Hoàng**  
Tổng Giám đốc

*Trúc*

**Bành Trung Trúc**  
Người lập biểu

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long và Công ty TNHH một thành viên Lương thực Kiên Nông (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Công ty mẹ : Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long
- a. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
- b. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất – kinh doanh.
- c. Ngành nghề kinh doanh : Mua bán lương thực, thực phẩm, nông lâm sản nguyên liệu. Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo, sản xuất bột thô. Mua bán hạt nhựa; Bán buôn, bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Hoạt động kho bãi; Dệt, bao bì nhựa PP và PE. Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.
2. Tổng số các công ty con : 01

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

#### 3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên Lương thực Kiên Nông	Tổ 5, ấp Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	100%	100%

#### 4. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Nông Nghiệp Tam Nông	Đường ĐT 844, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	20,00%	20,00%

#### 5. Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	26 đường 3/2, Phường 1, Tp.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	26,25%	26,25%

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long.

#### 6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 258 nhân viên đang làm việc tại các công ty (cuối năm trước là 253 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long (công ty mẹ) và Công ty TNHH một thành viên Lương thực Kiên Nông (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### 4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

#### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 08 năm.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong năm với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 lần: 50% khi xuất dùng và 50% khi báo hỏng.

## **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

### **13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

### **14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các đơn vị trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

### **15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### **16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.***

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày :      31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

### **19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### **20. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



## **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý

### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **Công cụ tài chính phức hợp**

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

## **22. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	656.749.200	491.816.300
Tiền gửi ngân hàng	2.184.152.096	3.128.740.122
Các khoản tương đương tiền	130.457.666.667	66.700.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng	130.457.666.667	66.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>133.298.567.963</b>	<b>70.320.556.422</b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán (*)	6.182.330.700	6.182.330.700
Đầu tư ngắn hạn khác	10.000.000.000	35.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vĩnh Long	10.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Vĩnh Long	-	35.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.182.330.700</b>	<b>41.182.330.700</b>

(\*) Chi tiết đầu tư chứng khoán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	4.160	565.933.300	4.160	565.933.300
Cổ phiếu Công ty cổ phần Giấy Viễn Đông (a)	13.090	405.000.000	11.000	405.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (b)	182.242	5.211.397.400	134.992	4.738.897.400
Trái phiếu chuyển đổi Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	-	-	4.725	472.500.000
<b>Cộng</b>		<b>6.182.330.700</b>		<b>6.182.330.700</b>

(a) Cổ phiếu Công ty cổ phần Giấy Viễn Đông tăng do nhận cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu.

(b) Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội tăng do chuyển từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(5.327.530.300)	(3.910.547.500)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>(5.327.530.300)</b>	<b>(3.910.547.500)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	(3.910.547.500)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.416.982.800)
Hoàn nhập dự phòng	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(5.327.530.300)</b>

**4. Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Docifish	62.543.060.043	44.822.547.282
Công ty TNHH một thành viên - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	32.553.514.166	22.189.571.309
Công ty TNHH Hiệp Tài	-	5.344.810.000
Công ty cổ phần Phú Hưng	3.250.206.000	-
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	1.525.500.000	-
Công ty TNHH chế biến lương thực thực phẩm Mai Anh	2.070.535.972	569.907.749
Công ty cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	1.371.500.000	-
Các khách hàng khác	539.959.691	1.363.442.173
<b>Cộng</b>	<b>103.854.275.872</b>	<b>74.290.278.513</b>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
DNTN Tân Phát	-	6.875.922.000
DNTN Vĩnh Phước - An Giang	-	4.365.000.000
Công ty cổ phần Lâm nghiệp và xây dựng Việt - Úc	-	3.528.000.000
Công ty TNHH một thành viên chế biến lương thực Vạn Lợi	16.600.000.000	19.980.000.000
DNTN Vĩnh Phước - Đồng Tháp	-	7.760.000.000
DNTN Công Thành	-	8.370.000.000
DNTN Trần Hoàng Thuận	34.030.000	13.205.000.000
DNTN Hiệp Lợi 2	-	8.001.592.000
DNTN Hiệp Phúc	-	7.360.000.000
DNTN Hiệp Hòa	-	22.449.750.000
Công ty cổ phần Cơ khí chế tạo máy Long An	2.300.000.000	280.000.000
Công ty TNHH tư vấn thiết kế Hoàn Cầu	210.000.000	-
Cc nh cung cấp khc	504.982.523	4.266.138.944
<b>Cộng</b>	<b>19.649.012.523</b>	<b>106.441.402.944</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	221.000.000	186.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	423.837.815	1.599.595.833
Tiền thuế TNDN năm 2007 và 2008 bị truy thu chờ xử lý (*)	31.347.563.097	31.347.563.097
Tiền phạt chậm nộp truy thu thuế TNDN chờ xử lý (*)	2.356.182.344	-
Phải thu lãi trái phiếu Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	-	206.521.875
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi chờ phân phối lợi nhuận để bù đắp	669.499.145	-
Các khoản phải thu khác	58.214.130	1.238.000
<b>Cộng</b>	<b>35.076.296.531</b>	<b>33.340.918.805</b>

(\*) Đây là số truy thu và phạt chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 và 2008 đã được Cục thuế Vĩnh Long khấu trừ các khoản hoàn thuế GTGT của Công ty do Công ty xác định sai ưu đãi miễn giảm thuế TNDN theo Công văn 236/TCT-KTNB ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Tổng Cục thuế và Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22 tháng 06 năm 2010 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long.

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(2.070.535.972)	(84.000.000)
<i>Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi</i>	<i>(2.070.535.972)</i>	-
<i>Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	-	<i>(84.000.000)</i>
<b>Cộng</b>	<b>(2.070.535.972)</b>	<b>(84.000.000)</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(84.000.000)	(58.800.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.101.523.972)	(25.200.000)
Xử lý xóa nợ	114.988.000	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(2.070.535.972)</b>	<b>(84.000.000)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	17.034.525.315	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.211.548.022	6.575.804.886
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	419.806.886	258.930.378
Thành phẩm	3.554.135.391	2.590.846.284
Hàng hóa	121.976.045.466	95.972.982.197
<b>Cộng</b>	<b>146.196.061.080</b>	<b>105.398.563.745</b>

Hàng hóa tồn kho tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

**9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	(3.600.136.474)	-
<b>Cộng</b>	<b>(3.600.136.474)</b>	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	(3.600.136.474)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(3.600.136.474)</b>	-

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 10. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	3.027.828.622
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.027.828.622</b>

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	3.063.116.487	4.052.932.815
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.063.116.487</b>	<b>4.052.932.815</b>

### 12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	54.059.264.736	50.417.376.525	6.578.397.305	1.010.909.201	112.065.947.767
Tăng trong năm	15.773.521.000	8.512.546.218	865.966.819	28.050.000	25.180.084.037
<i>Mua sắm mới</i>	<i>660.375.000</i>	<i>7.755.888.409</i>	<i>865.966.819</i>	<i>28.050.000</i>	<i>9.310.280.228</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	<i>15.113.146.000</i>	<i>756.657.809</i>	-	-	<i>15.869.803.809</i>
Giảm trong năm	(2.550.498.891)	(593.060.624)	-	-	(3.143.559.515)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(2.550.498.891)</i>	<i>(587.210.624)</i>	-	-	<i>(3.137.709.515)</i>
<i>Giảm khác</i>		<i>(5.850.000)</i>			<i>(5.850.000)</i>
<b>Số cuối năm</b>	<b>67.282.286.845</b>	<b>58.336.862.119</b>	<b>7.444.364.124</b>	<b>1.038.959.201</b>	<b>134.102.472.289</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>3.482.239.855</i>	<i>4.557.238.227</i>	<i>2.785.145.800</i>	<i>263.619.617</i>	<i>11.088.243.499</i>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	22.136.860.668	19.544.696.632	3.705.269.027	650.480.275	46.037.306.602
Khấu hao trong năm	3.036.743.152	4.487.459.167	427.435.459	106.158.089	8.057.795.867
Giảm trong năm	(1.594.178.976)	(494.481.133)	-	-	(2.088.660.109)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(1.594.178.976)</i>	<i>(490.907.629)</i>			<i>(2.085.086.605)</i>
<i>Giảm khác</i>	-	<i>(3.573.504)</i>	-	-	<i>(3.573.504)</i>
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.579.424.844</b>	<b>23.537.674.666</b>	<b>4.132.704.486</b>	<b>756.638.364</b>	<b>52.006.442.360</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	31.922.404.068	30.872.679.893	2.873.128.278	360.428.926	66.028.641.165
<b>Số cuối năm</b>	<b>43.702.862.001</b>	<b>34.799.187.453</b>	<b>3.311.659.638</b>	<b>282.320.837</b>	<b>82.096.029.929</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	18.192.403.800	149.319.000	18.341.722.800
Tăng do mua sắm	4.486.339.446	-	4.486.339.446
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.678.743.246</b>	<b>149.319.000</b>	<b>22.828.062.246</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	71.772.880	70.964.010	142.736.890
Tăng trong năm	49.504.834	13.844.626	63.349.460
Khấu hao trong năm	49.504.834	13.844.626	63.349.460
<b>Số cuối năm</b>	<b>121.277.714</b>	<b>84.808.636</b>	<b>206.086.350</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	18.120.630.920	78.354.990	18.198.985.910
Số cuối năm	22.557.465.532	64.510.364	22.621.975.896

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
<i>XDCB dở dang</i>	<i>61.791.818</i>	<i>18.593.251.925</i>	<i>(15.869.803.809)</i>	<i>(4.363.636)</i>	<i>2.780.876.298</i>
- <i>Kho Tam Bình</i>	<i>61.791.818</i>	<i>12.529.223.190</i>	<i>(12.586.651.372)</i>	<i>(4.363.636)</i>	-
- <i>Kho An Bình</i>	-	<i>174.545.454</i>	<i>(174.545.454)</i>	-	-
- <i>Nhà xe công ty</i>	-	<i>611.921.822</i>	<i>(611.921.822)</i>	-	-
- <i>Chi phí xây dựng mở rộng nhà máy xay lúa Vĩnh Long</i>	-	<i>2.496.685.161</i>	<i>(2.496.685.161)</i>	-	-
- <i>Nhà máy xay xát, hệ thống sấy và lau bóng gạo Kiên Nông</i>	-	<i>2.780.876.298</i>	-	-	<i>2.780.876.298</i>
Sửa chữa TSCĐ	-	920.297.272	-	(920.297.272)	-
<b>Cộng</b>	<b>61.791.818</b>	<b>19.513.549.197</b>	<b>(15.869.803.809)</b>	<b>(924.660.908)</b>	<b>2.780.876.298</b>



## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty cổ phần Nông Nghiệp Tam Nông	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.250.000.000</b>	<b>5.250.000.000</b>

Chi tiết đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo Giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	26,25%	26,25%	5.250.000.000
Công ty cổ phần Nông Nghiệp Tam Nông	20,00%	10,00%	5.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>10.250.000.000</b>

### 16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		18.743.070.000		18.743.070.000
- Nhà máy Bia Sài Gòn-Vĩnh Long	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
- Công ty cổ phần Docifish	1.324.307	13.243.070.000	1.324.307	13.243.070.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>18.743.070.000</b>		<b>18.743.070.000</b>

### 17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn (@)	(978.010.805)	-
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết	(167.993.845)	-
Dự phòng khoản lỗ của Công ty cổ phần Nông Nghiệp Tam Nông	(167.993.845)	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.146.004.650)</b>	<b>-</b>

(@) Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	-	71.671.091	(71.671.091)	-
Bao bì luân chuyển	-	386.230.000	(386.230.000)	-
Chi phí in hóa đơn	-	27.300.000	(27.300.000)	-
Tiền thuê đất	352.499.999	-	(39.166.666)	313.333.333
Chi phí sử dụng đất	-	142.824.500	(7.141.225)	135.683.275
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	920.297.272	(99.425.278)	820.871.994
<b>Cộng</b>	<b>352.499.999</b>	<b>1.548.322.863</b>	<b>(630.934.260)</b>	<b>1.269.888.602</b>

### 19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	381.038.304.256	345.133.697.049
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long (a)	140.589.000.000	56.796.000.000
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam	-	46.194.080.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (b)	17.110.451.936	-
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (c)	112.950.452.320	28.398.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín - Chi nhánh Vĩnh Long	-	162.119.417.049
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (d)	68.732.400.000	45.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Long	-	6.626.200.000
Ngân hàng TNHH một thành viên Hong Leong - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (e)	41.656.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>381.038.304.256</b>	<b>347.633.697.049</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Long để tài trợ thu mua dự trữ, tài trợ xuất khẩu trước và sau khi giao hàng đối với ngành gạo, tài trợ xuất khẩu ủy thác qua Vinafood 2 với hạn mức 150.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, thời hạn 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp và thực hiện theo qui định của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu về tài trợ xuất khẩu và thu mua dự trữ đối với ngành gạo.

(b) Khoản vay Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh với hạn mức 62.000.000.000 VND, thời hạn theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và lãi suất được tính theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản và toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, thời hạn 03 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ tất cả các bên liên quan của quý Công ty trị giá 123.000.000.000 VND và hàng hóa trong kho với giá trị 30.000.000.000 VND cùng với hợp đồng bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa trong kho cùng với thu xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

(d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long để bổ sung vốn lưu động kinh doanh lĩnh vực lương thực với hạn mức 100.000.000.000 VND, thời hạn và lãi suất được tính theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.

(e) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Hong Leong (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với mục đích hỗ trợ xuất khẩu gạo ủy thác, thời hạn 06 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>
Số đầu năm	347.633.697.049
Số tiền vay phát sinh	2.534.389.056.127
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	3.914.420.000
Số tiền vay đã trả	(2.501.735.615.368)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	(3.163.253.552)
<b>Số cuối năm</b>	<b>381.038.304.256</b>

### 20. Phải trả người bán

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hợp tác xã Nhơn Hòa	104.500.000	-
Công ty TNHH một thành viên - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	272.181.086	355.553.427
DNTN Thanh Tâm	58.395.150	-
Công ty TNHH một thành viên Chung Hiếu	59.400.000	-
Các nhà cung cấp khác	73.317.000	42.045.627
<b>Cộng</b>	<b>567.793.236</b>	<b>397.599.054</b>

### 21. Người mua trả tiền trước

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	9.720.000.000	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc - CN Cái Sắn	-	8.505.000.000
Công ty Lương thực Bến Tre	810.000.000	-
Các khách hàng khác	67.916.000	1.271.865.825
<b>Cộng</b>	<b>10.597.916.000</b>	<b>9.776.865.825</b>

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

**22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	719.008.349	28.525.439.590	(27.316.853.476)	1.927.594.463
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.365.936.308	(2.525.007.514)	840.928.794
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(3.027.828.622)	10.542.054.742	(4.427.744.016)	3.086.482.104
Thuế thu nhập cá nhân	57.771.000	2.549.703.773	(2.525.861.129)	81.613.644
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	1.037.736.237	(1.037.736.237)	-
Các loại thuế, phí khác	160.550.439	56.580.969	(212.771.499)	4.359.909
<b>Cộng</b>	<b>(2.090.498.834)</b>	<b>46.077.451.619</b>	<b>(38.045.973.871)</b>	<b>5.940.978.914</b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa đang trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.10).

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	0%
- Thành phẩm, hàng hóa bán trong nước	5% & 10%
- Các dịch vụ khác	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH một thành viên Lương thực Kiên Nông hoạt động lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long được dự tính như sau:

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.213.779.167	45.005.841.667
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Các khoản điều chỉnh tăng	904.393.975	4.287.803.246
• Các khoản điều chỉnh giảm	(4.061.005.368)	(6.264.606.570)
Tổng thu nhập chịu thuế	42.057.167.774	43.029.038.343
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>10.514.291.944</b>	<b>10.757.259.586</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>10.514.291.944</b>	<b>10.757.259.586</b>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm trước</i>	<i>27.762.798</i>	-
<b>Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>10.542.054.742</b>	<b>10.757.259.586</b>

### Tiền thuê đất và thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

### 23. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương	3.913.382.719	4.813.507.654
<b>Cộng</b>	<b>3.913.382.719</b>	<b>4.813.507.654</b>

### 24. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	299.041.399	600.576.054
Chi phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>299.041.399</b>	<b>600.576.054</b>

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	95.247.890	51.012.891
Cổ tức phải trả các cổ đông	290.890.000	120.640.000
Phải trả Sở tài chính tiền tạm ứng mua hàng phục vụ tết Nguyên Đán	5.000.000.000	4.000.000.000
Thuế TNDN năm 2007 và 2008 bị truy thu	-	6.870.304.502
Phải trả phí Hiệp hội lương thực	209.957.071	-
Phải trả, phải nộp khác	230.028.209	487.962.972
<b>Cộng</b>	<b>5.826.123.170</b>	<b>11.529.920.365</b>

### 26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	521.939.776	533.728.731	(376.900.000)	678.768.507
Quỹ phúc lợi	(1.264.204.885)	1.205.621.973	(669.027.599)	(727.610.511)
Quỹ thưởng Ban điều hành	48.842.004	-	-	48.842.004
<b>Cộng</b>	<b>(693.423.105)</b>	<b>1.739.350.704</b>	<b>(1.045.927.599)</b>	<b>-</b>

### 27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay
Số đầu năm	160.726.746
Số trích lập trong năm	186.663.087
Số chi trong năm	(30.841.784)
<b>Số cuối năm</b>	<b>316.548.049</b>

### 28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm.

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long như sau:

Trả cổ tức năm trước 25.829.750.000

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.400.000	10.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.400.000	10.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.400.000	10.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.400.000	10.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.400.000	10.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

### Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.927.920.691.161	1.473.326.971.657
- Doanh thu bán hàng hóa	1.894.025.994.574	1.448.108.812.804
- Doanh thu bán thành phẩm, nguyên liệu	32.847.931.695	24.886.061.581
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.046.764.892	332.097.272
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(4.962.389)	(43.188.263)
- Chiết khấu thương mại	(2.463.389)	(731.600)
- Hàng hóa bán bị trả lại	(2.499.000)	(42.456.663)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.927.915.728.772</b>	<b>1.473.283.783.394</b>

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.784.389.645.812	1.346.287.407.270
Giá vốn của thành phẩm, nguyên liệu đã cung cấp	28.664.115.174	20.845.906.810
<b>Cộng</b>	<b>1.813.053.760.986</b>	<b>1.367.133.314.080</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	23.093.982.864	23.194.566.817
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	228.605.501	297.376.015
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.773.674.994	1.169.851.220
Lãi mua bán chứng khoán	-	931.557.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.773.350.134	29.477.819.524
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.161.014.611	-
Lãi bán hàng chậm trả	12.134.765.521	3.436.731.188
<b>Cộng</b>	<b>73.165.393.625</b>	<b>58.507.901.764</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	50.766.161.166	29.779.966.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.815.110.862	5.654.648.895
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.562.987.450	126.945.200
Lỗ khi chuyển vốn đầu tư từ Công ty TNHH Domefeed sang Công ty cổ phần Docifish	-	1.756.930.000
Chi phí tài chính khác	1.027.378.962	54.948
<b>Cộng</b>	<b>75.171.638.440</b>	<b>37.318.546.032</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	250.537.966	278.235.116
Chi phí vật liệu, bao bì	136.096.911	6.092.026
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	221.479.580	83.465.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.926.582.375	5.515.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.617.740.380	41.819.316.385
Chi phí khác	1.800.317.735	1.401.028.869
<b>Cộng</b>	<b>34.952.754.947</b>	<b>49.103.137.576</b>



## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên quản lý	24.046.645.882	23.576.950.514
Chi phí vật liệu quản lý	869.668.927	743.372.221
Chi phí đồ dùng văn phòng	448.111.160	402.280.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.431.145.327	1.291.259.184
Thuế, phí và lệ phí	1.044.931.960	612.625.417
Chi phí dự phòng	2.288.187.059	185.926.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.442.940.708	1.431.555.738
Chi phí khác	4.895.458.539	3.708.001.413
<b>Cộng</b>	<b>36.467.089.562</b>	<b>31.951.971.398</b>

### 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.719.412.255	1.060.052.293
Thu nhập thanh lý công cụ dụng cụ, bao bì	107.351.682	616.950.000
Thu nhập từ bồi thường tài sản và giải phóng mặt bằng theo quy hoạch	2.285.278.541	5.094.755.350
Thu hỗ trợ lãi suất theo chủ trương của Chính phủ	2.183.480.911	-
Thu thừa hàng hoá	126.232.180	72.509.840
Thu nhập từ các khoản nợ phải trả không cần thực hiện nghĩa vụ thanh toán	-	2.691.131.374
Thu từ nhà nước hỗ trợ di dời tài sản khi thu hồi đất	-	675.647.273
Thu nhập khác	169.304.760	127.305.829
<b>Cộng</b>	<b>6.591.060.329</b>	<b>10.338.351.959</b>

### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.052.622.910	851.177.756
Giá trị còn lại của tài sản khác thanh lý	78.847.101	-
Thuế phạt chậm nộp, bị truy thu	9.751.320	753.936
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	10.482.242.003
Hoàn trả tiền hỗ trợ lãi suất năm 2009	904.166.986	-
Chi phí khác	828.772.596	283.070.669
<b>Cộng</b>	<b>2.874.160.913</b>	<b>11.617.226.364</b>

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.610.723.136	34.248.582.081
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.610.723.136	34.248.582.081
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	10.400.000	10.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.328</b>	<b>3.293</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.369.112.931.854
Chi phí nhân công	27.768.650.472
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.121.145.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.880.291.299
Chi phí khác	34.119.166.221
<b>Cộng</b>	<b>1.527.002.185.173</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay
Tiền lương, thưởng	3.308.097.808
Thù lao, phụ cấp	641.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.949.097.808</b>

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên - Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông	Công ty liên kết

Trong năm, Tập đoàn phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay
<b>Công ty TNHH một thành viên - Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam</b>	
Doanh thu bán gạo các loại	689.189.459.076
Phải trả phí giao nhận gạo	3.235.906.102
Trả tiền phí giao nhận gạo	(3.319.278.461)
<b>Công ty TNHH một thành viên Lương thực Kiên Nông</b>	
Góp vốn	6.836.000.000
<b>Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông</b>	
Góp vốn	5.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam</b>		
Phải thu tiền bán hàng	32.553.514.166	22.189.571.309
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>32.553.514.166</b>	<b>22.189.571.309</b>
Phải trả tiền phí giao nhận gạo	272.181.086	355.553.427
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>272.181.086</b>	<b>355.553.427</b>

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.298.567.963	70.320.556.422	133.298.567.963	70.320.556.422
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	35.000.000.000	10.000.000.000	35.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	18.451.865.750	21.014.853.200	18.451.865.750	21.014.853.200
Phải thu khách hàng	101.783.739.900	74.290.278.513	101.783.739.900	74.290.278.513
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	3.545.168.432	5.860.288.523	3.545.168.432	5.860.288.523
<b>Cộng</b>	<b>267.079.342.045</b>	<b>206.485.976.658</b>	<b>267.079.342.045</b>	<b>206.485.976.658</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	567.793.236	397.599.054	567.793.236	397.599.054
Vay và nợ	381.038.304.256	347.633.697.049	381.038.304.256	347.633.697.049
Các khoản phải trả khác	10.259.847.447	10.183.413.426	10.259.847.447	10.183.413.426
<b>Cộng</b>	<b>391.865.944.939</b>	<b>358.214.709.529</b>	<b>391.865.944.939</b>	<b>358.214.709.529</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### 4. Tài sản đảm bảo

#### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Tập đoàn đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
<b>Số cuối năm</b>		
Phải thu khách hàng	101.783.739.900	
Hàng tồn kho	146.196.061.080	
Tài sản cố định hữu hình	14.116.841.675	
<b>Cộng</b>	<b>262.096.642.655</b>	
<b>Số đầu năm</b>		
Phải thu khách hàng	74.290.278.513	
Hàng tồn kho	105.398.563.745	
<b>Cộng</b>	<b>179.688.842.258</b>	

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2011.

### 5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Năm 2011

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	567.793.236	-	-	567.793.236
Vay và nợ	381.038.304.256	-	-	381.038.304.256
Các khoản phải trả khác	9.943.299.398	316.548.049	-	10.259.847.447
<b>Cộng</b>	<b>391.549.396.890</b>	<b>316.548.049</b>	<b>-</b>	<b>391.865.944.939</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	397.599.054	-	-	397.599.054
Vay và nợ	347.633.697.049	-	-	347.633.697.049
Các khoản phải trả khác	10.022.686.680	160.726.746	-	10.183.413.426
<b>Cộng</b>	<b>358.053.982.783</b>	<b>160.726.746</b>	<b>-</b>	<b>358.214.709.529</b>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Khoản nợ phải trả chủ yếu tập trung vào khoản nợ vay. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu và một số quan hệ tín dụng được thực hiện bằng ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ này được ghi nhận và phản ánh ngay vào kết quả kinh doanh trong kỳ báo cáo. Nếu tỷ giá hối đoái tăng hoặc giảm thì lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu sự biến động tổng hợp từ lợi ích và tổn thất do các giao dịch có gốc ngoại tệ mang lại.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn là 18.451.865.750 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 là 21.014.853.200 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng hoặc giảm 10 % thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ giảm hoặc tăng khoảng 1.383.889.931 VND (năm trước là 1.576.113.990 VND).

### 8. Thông tin về bộ phận

#### Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là mặt hàng lương thực.

#### Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý:

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	805.643.717.957	1.122.272.010.815	1.927.915.728.772
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>805.643.717.951</b>	<b>1.122.272.010.815</b>	<b>1.927.915.728.772</b>
Chi phí theo bộ phận	744.783.833.104	1.068.269.927.882	1.813.053.760.986
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.859.884.853	54.002.082.933	114.861.967.786
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(71.419.844.509)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			43.442.123.277
Doanh thu hoạt động tài chính			73.165.393.625
Chi phí tài chính			(75.171.638.440)
Thu nhập khác			6.591.060.329
Chi phí khác			(2.874.160.913)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(10.542.054.742)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>34.610.723.136</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>33.933.830.826</b>	-	<b>33.933.830.826</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>8.752.079.587</b>	-	<b>8.752.079.587</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	-

## Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2011

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	537.673.533.768	-	537.673.533.768
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			45.537.865.750
<b>Tổng tài sản</b>			<b>583.211.399.518</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>408.500.087.743</b>	<b>-</b>	<b>408.500.087.743</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>408.500.087.743</b>

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 02 năm 2012



**Bành Trung Trực**  
Người lập biểu



**Phan Ngọc Bình**  
Kế toán trưởng




**Nguyễn Thanh Hoàng**  
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM VĨNH LONG**

38 Đường 2/9, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (84.70) 3822512 - Fax : (84.70) 3823773 - Email : [vinhlongfood@hcm.vnn.vn](mailto:vinhlongfood@hcm.vnn.vn)